

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI



*Từ khi thành lập
đến nay, Đảng bộ
tỉnh Đồng Nai
đã trải qua bao nhiêu
kỳ Đại hội?
Hãy nêu mục tiêu
tổng quát qua
các kỳ Đại hội?*

*Chủ trương nào
trong các kỳ
Đại hội
được bạn
tâm đắc nhất,
vì sao?*

*Đánh giá những hạn chế
của ngành hoặc lĩnh vực
nơi bạn đang công tác
và đề xuất giải pháp
khắc phục trong thời gian tới
(hoặc ngành và lĩnh vực
mà bạn biết và
quan tâm nhiều nhất)*



Thông Tin Cá Nhân



Họ và tên: Đỗ Ngọc Thanh Phương

Giới tính: Nữ

Năm sinh: 14 - 07 - 1979

Địa chỉ thường trú: K3-46, Tân Bản, Bàu Hòa,

Biển Hòa, Đồng Nai

Nơi công tác: Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Đồng Nai

Điện thoại: 0906 75 33 18

Email: dophuong1014@gmail.com

Lời Cảm Ơn



Hội thi tìm hiểu giá trị văn hóa - lịch sử tỉnh Đồng Nai năm 2015 là lần Hội thi thứ 4. Mỗi lần Hội thi, Ban Tổ chức hội thi lựa chọn chủ đề cụ thể giúp tôi có động lực tìm hiểu giá trị văn hóa - lịch sử tỉnh Đồng Nai để nâng cao nhận thức và lòng tự hào về vùng đất Biên Hòa - Đồng Nai.

Chủ đề Hội thi năm nay rất bổ ích vì khi tìm hiểu và nghiên cứu tài liệu tham dự Hội thi đã giúp tôi nhận thức được thành tựu kinh tế xã hội của tỉnh nhà từ ngày cả nước thống nhất đến nay, nhất là thành tựu trong giai đoạn 2010 - 2015 so với giai đoạn 1976 - 1980. Đồng thời tôi có điều kiện hiểu sâu hơn về thành tựu cần phát huy và những mặt còn hạn chế cần có giải pháp thích hợp khắc phục để đưa ngành khoa học và công nghệ nơi tôi đang công tác tiếp tục phát huy vai trò then chốt trong nền kinh tế.

Tôi xin chân thành cảm ơn Ban tổ chức Hội thi và chúc Hội thi trong năm nay và nhiều năm tới đạt được thành công tốt đẹp.



Câu 1: Từ khi thành lập đến nay, Đảng bộ tỉnh Đồng Nai đã trải qua bao nhiêu kỳ Đại hội? Hãy nêu mục tiêu tổng quát qua kỳ Đại hội?

1. Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Đồng Nai lần thứ I	1
2. Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Đồng Nai lần thứ II	3
3. Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Đồng Nai lần thứ III	4
4. Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Đồng Nai lần thứ IV	6
5. Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Đồng Nai lần thứ V	8
6. Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Đồng Nai lần thứ VI	10
7. Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Đồng Nai lần thứ VII	12
8. Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Đồng Nai lần thứ VIII	13
9. Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Đồng Nai lần thứ IX	16
10. Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Đồng Nai lần thứ X	20

Câu 2: Chủ trương nào trong các kỳ Đại hội được bạn tâm đắc nhất, vì sao? 25

Câu 3: Đánh giá những hạn chế của ngành hoặc lĩnh vực nơi bạn đang công tác và đề xuất giải pháp khắc phục trong thời gian tới (hoặc ngành và lĩnh vực mà bạn biết và quan tâm nhiều nhất) 33

1. Những hạn chế của hoạt động khoa học và công nghệ tỉnh Đồng Nai	33
2. Nguyên nhân của hạn chế trong hoạt động KH&CN tỉnh Đồng Nai	37
3. Giải pháp khắc phục những hạn chế của hoạt động khoa học và công nghệ tỉnh Đồng Nai	38
3.1 Đổi mới tư duy, tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước đối với sự nghiệp phát triển KH&CN	38
3.2 Đổi mới cơ chế xây dựng và tổ chức thực hiện nhiệm vụ KH&CN	40
3.3 Hoàn thiện cơ chế hoạt động của bộ máy quản lý nhà nước về KH&CN	43
3.4 Đẩy mạnh nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng công nghệ.	46
3.5 Đổi mới quản lý nhân lực KH&CN:	48
3.6 Phát triển mạnh mẽ tiềm lực KH&CN:	50
3.7 Đổi mới cơ chế đầu tư tài chính cho hoạt động KH&CN:	51
3.8 Phát triển thị trường KH&CN	54
3.9 Tăng cường công tác thông tin – truyền thông về KH&CN	56
3.10 Hợp tác và hội nhập quốc tế về khoa học và công nghệ	58
Tài liệu tham khảo	60

Câu 1: Từ khi thành lập đến nay, Đảng bộ tỉnh Đồng Nai đã trải qua bao nhiêu kỳ Đại hội? Hãy nêu mục tiêu tổng quát qua kỳ Đại hội?

Mỗi kỳ Đại hội Đảng là một mốc lịch sử quan trọng ghi nhận những thắng lợi, thành tựu và những bài học kinh nghiệm của Cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng. Đối với Đảng bộ tỉnh Đồng Nai từ khi thành lập đến nay, đã trải qua 10 kỳ Đại hội:

1. Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Đồng Nai lần thứ I



Hình 1.1: Chủ tịch đoàn Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Đồng Nai lần thứ I

Sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng, cùng với cả nước tỉnh Đồng Nai ra sức xây dựng chính quyền cách mạng, giữ vững an ninh chính trị xã hội, khôi phục sản xuất nông nghiệp, trọng tâm là đẩy mạnh sản xuất lương thực. Từng bước giải quyết nạn thất nghiệp do chế độ cũ để lại, giảm bớt những khó khăn, cải thiện đời sống nhân dân. Để đánh giá, kiểm điểm những thành tựu đạt được về các mặt sau hơn một năm cải tạo và xây dựng, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Đồng Nai lần thứ nhất (vòng 1) tiến hành từ ngày 11 đến 21-11-1976 tại thành phố Biên Hoà. Tham dự có 420 đại biểu chính thức gồm 367 đại biểu nam, 52 đại biểu nữ, có 11 đại biểu dân tộc thiểu số, đại diện cho 6.810 đảng viên của 17 Đảng bộ huyện, thành phố, 7 Đảng bộ trực thuộc và 509 chi bộ, Đảng bộ cơ sở.



Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Khóa I (1976–1978) gồm 41 đồng chí (có 2 uỷ viên dự khuyết). Đồng chí Lê Quang Chử được bầu làm Bí thư, đồng chí Nguyễn Thị Bạch Tuyết được bầu làm Phó Bí thư Tỉnh uỷ. Ban Thường vụ gồm 13 đồng chí. Đại hội bầu 13 đồng chí đại biểu đi dự Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng.

Sau Đại hội Đại biểu Toàn quốc lần thứ IV của Đảng, từ ngày 6 đến ngày 10-4-1977 tại thành phố Biên Hoà, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Đồng Nai lần thứ nhất (vòng 2) được tổ chức. **Trên cơ sở Nghị quyết Đại hội Đại biểu Toàn quốc lần thứ IV, Đại hội Đảng bộ tỉnh đề ra một số nhiệm vụ:** đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp toàn diện (nông, lâm, ngư nghiệp), từng bước xây dựng Đồng Nai thành một tỉnh nông – công nghiệp giàu mạnh; cải tiến công tác phân phối lưu thông; hoàn thành cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với thành phần kinh tế tư bản tư doanh; đẩy mạnh cải tạo đối với nông nghiệp; phát triển sự nghiệp văn hoá, giáo dục, y tế, xã hội, từng bước xây dựng nền văn hoá mới, con người mới, quét sạch tàn dư văn hoá nô dịch, thực dân mới; giữ gìn an ninh chính trị và trật tự xã hội; Nắm vững và không ngừng củng cố hệ thống chuyên chính vô sản, nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng bộ, phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, phát huy hiệu lực của chính quyền; tiến hành đồng thời 3 cuộc cách mạng (cách mạng về quan hệ sản xuất, khoa học kỹ thuật và tư tưởng văn hoá, trong đó cách mạng khoa học kỹ thuật là then chốt).

Trong công tác xây dựng Đảng, xuất phát từ đặc điểm tình hình của một địa phương vừa giải phóng, Đại hội xác định: *“Đi đôi với nâng cao chất lượng, phải phát triển chi bộ ở những nơi chưa có. Những xã, phường, xí nghiệp, nông trường phân đấu có chi bộ từ 30 đảng viên trở lên. Phân đấu có chi bộ hoặc tổ Đảng ở các cấp phân xưởng, đội sản xuất”*. Nghị quyết Đại hội đề ra phương hướng, xây dựng Đảng: *“Việc phát triển đảng viên phải thông qua phong trào cách mạng của quần chúng, phải đảm bảo đúng tiêu chuẩn, thủ tục”*.

2. Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Đồng Nai lần thứ II



Hình 1.2: Chủ tịch đoàn Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Đồng Nai lần thứ II

Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ II họp từ ngày 10 đến ngày 12-7-1979 tại thành phố Biên Hoà. Tham dự Đại hội có 401 đại biểu đại diện cho trên 8.000 đảng viên trong toàn tỉnh. Đại hội đã bầu Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (khoá II) gồm 43 uỷ viên chính thức và 2 uỷ viên dự khuyết. Đồng chí Lê Quang Chử được bầu lại làm Bí thư Tỉnh uỷ.

Đại hội đã đề ra nhiệm vụ chính trị trong hai năm 1979–1980 là: “Nâng cao tinh thần độc lập tự chủ, tự lực tự cường, thực sự phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, phát huy những thế mạnh của địa phương, ra sức xây dựng kinh tế, phát triển văn hoá, nhất là phát triển toàn diện, vượt bậc sản xuất nông nghiệp, ổn định và đảm bảo đời sống nhân dân; tăng cường quốc phòng an ninh Tổ quốc, làm tròn nghĩa vụ với tiền tuyến lớn, xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật đáp ứng yêu cầu trước mắt, đồng thời chuẩn bị điều kiện phát triển những năm sau”.

Trên cơ sở đó, Đại hội đã đề ra 6 mục tiêu chủ yếu:

- Ra sức ổn định và đảm bảo đời sống nhân dân, đảm bảo cho mọi người có công ăn việc làm.
- Làm tròn nghĩa vụ với tiền tuyến lớn, đáp ứng yêu cầu bảo vệ biên giới.

- Tăng cường quốc phòng và an ninh chính trị, bảo vệ Tổ quốc, kịp thời ngăn chặn mọi âm mưu hành động phá rối, bạo loạn, sẵn sàng chiến đấu và chiến thắng trong mọi tình huống.

- Hoàn thành cơ bản công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với các ngành công, nông, thương, lâm, ngư nghiệp, phát triển sản xuất, phục vụ đời sống, tăng thu nhập cho nhân dân.

- Tiếp tục xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật nhằm phát huy các thế mạnh của địa phương, đáp ứng yêu cầu trước mắt đồng thời chuẩn bị cho những năm tới. Ưu tiên phục vụ cho sản xuất nông nghiệp và chế biến lương thực, thực phẩm.

- Ra sức xây dựng cơ sở gắn liền với xây dựng cấp huyện, kiện toàn cấp tỉnh, đảm bảo phát huy vai trò Đảng lãnh đạo, quần chúng làm chủ tập thể, cải tiến một bước về quản lý và tổ chức kinh tế, quản lý đời sống nhân dân, chống mọi biểu hiện tham ô, móc ngoặc, cửa quyền.

Đại hội đề ra các chỉ tiêu sản lượng lương thực, khai hoang phục hoá, tổ chức đi xây dựng vùng kinh tế mới...Giá trị sản lượng công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp đạt 350.000.000 đồng, kim ngạch xuất khẩu 140 triệu đồng.

3. Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Đồng Nai lần thứ III



Hình 1.3: Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Đồng Nai Khóa III



Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Đồng Nai lần thứ III được tiến hành 02 vòng. Vòng 01, Đại hội tổ chức tại thành phố Biên Hòa từ ngày 07 đến ngày 16-01-1982. Tham dự Đại hội có 423 đại biểu (có 02 đại biểu do Trung ương cử về). Từ ngày 24 đến ngày 28-01-1983, Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ III (vòng 2) được tiến hành tại thành phố Biên Hòa. Tham dự Đại hội có 418 đại biểu chính thức đại diện cho gần 9.000 đảng viên của 16 Đảng bộ trực thuộc trong toàn tỉnh.

Đại hội đã bầu ra Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (khoá III) gồm 45 uỷ viên chính thức và 01 uỷ viên dự khuyết. Trong phiên họp đầu tiên của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (khoá III) đã bầu 15 đồng chí vào Ban Thường vụ, đồng chí Lê Quang Chử được bầu làm Bí thư và đồng chí Nguyễn Văn Trung làm Phó Bí thư Tỉnh uỷ.

Căn cứ vào Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ V và tình hình thực tế ở địa phương, **Đại hội đã đề ra yêu cầu cơ bản của các mục tiêu chung** là “phải nhằm tập trung đẩy mạnh cải tạo, kết hợp với sắp xếp lại một bước và phát triển thêm sản xuất để nhanh chóng ổn định được tình hình kinh tế - xã hội, đáp ứng được những nhu cầu cấp bách và thiết yếu nhất của đời sống nhân dân, giảm bớt các mặt còn mất cân đối gay gắt nhất của địa phương, thiết lập trật tự xã hội chủ nghĩa trên lĩnh vực phân phối lưu thông, tạo điều kiện cho những năm sau tiến lên mạnh mẽ, vững chắc hơn”.

Trên cơ sở đó, Đại hội đề ra các mục tiêu chung về kinh tế - xã hội là:

- Đáp ứng những nhu cầu cấp thiết nhất, dần dần ổn định, tiến lên cải thiện một bước đời sống vật chất và văn hoá của nhân dân.

- Tiếp tục xây dựng có trọng điểm cơ sở vật chất kỹ thuật, nâng cao hiệu quả của vốn đầu tư.

- Đẩy mạnh cải tạo xã hội chủ nghĩa, không ngừng củng cố và hoàn thiện quan hệ sản xuất.

- Phân đấu nâng cao chất lượng và phát triển phong trào văn hoá xã hội.

-

- Thường xuyên nâng cao cảnh giác cách mạng về mọi mặt và không ngừng tăng cường quốc phòng toàn dân, ra sức giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

- Thực hiện tốt nghĩa vụ đối với sự nghiệp cách mạng cả nước.

- Làm tròn nghĩa vụ quốc tế được giao.

- Tiếp tục củng cố hệ thống chuyên chính vô sản.

4. Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Đồng Nai lần thứ IV



Hình 1.4: Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Đồng Nai Khóa IV

Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Đồng Nai lần thứ IV được tiến hành tại thành phố Biên Hòa từ ngày 20-10 đến ngày 26-10-1986. Tham dự Đại hội có 447 đại biểu thay mặt cho trên 12.000 đảng viên của Đảng bộ 7 huyện, 1 thị xã, 1 thành phố và 10 Đảng uỷ trực thuộc.

Đại hội đã bầu ra Ban Chấp hành mới gồm 45 uỷ viên chính thức và 13 uỷ viên dự khuyết. Đồng chí Phạm Văn Hy được Đại hội bầu làm Bí thư Tỉnh uỷ. Đại



hội cũng đã bầu ra đoàn đại biểu gồm 15 đồng chí đi dự Đại hội Đại biểu Toàn quốc lần thứ VI.

Đại hội đề ra phương hướng là phát triển mạnh nền kinh tế tỉnh Đồng Nai theo cơ cấu công – nông nghiệp, phát triển nông nghiệp một cách toàn diện, lấy nông nghiệp là mặt trận hàng đầu, lương thực là trọng tâm theo hướng đi lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Phát huy mạnh các mũi nhọn: công nghiệp chế biến, nông sản xuất khẩu và công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng, giải quyết tích cực và có hiệu quả thiết thực 3 chương trình lớn về lương thực – thực phẩm, hàng tiêu dùng thiết yếu và hàng xuất khẩu. Tiếp tục nhiệm vụ cải tạo xã hội chủ nghĩa và củng cố quan hệ sản xuất mới; Xây dựng cơ chế quản lý mới nhất là quản lý kinh tế, phát huy quyền chủ động sản xuất, kinh doanh ở cơ sở. Xây dựng Đảng bộ vững mạnh về mọi mặt.

Đại hội đề ra những biện pháp chủ yếu: Tiếp tục phát triển nông nghiệp toàn diện, coi nông nghiệp là mặt trận hàng đầu, giải quyết vững chắc vấn đề lương thực, thực phẩm và hàng xuất khẩu, phát triển công nghiệp; sản xuất các mặt hàng tiêu dùng thiết yếu và các mặt hàng xuất khẩu. Các ngành thương nghiệp, lương thực, ngân hàng, tài chính vật giá... phải lấy nhiệm vụ phục vụ sản xuất làm gốc, và phục vụ đời sống làm trọng tâm. Đẩy mạnh hơn nữa công tác xuất khẩu, nhằm đáp ứng các nhu cầu nhập khẩu để phát triển sản xuất và ổn định đời sống. Tiếp tục đẩy mạnh cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với các thành phần kinh tế, coi đó là nhiệm vụ thường xuyên, liên tục trong 05 năm tới. Thực hiện đẩy mạnh việc ứng dụng tiến bộ khoa học và kỹ thuật vào quản lý và phát triển kinh tế xã hội, đồng thời đưa các hoạt động văn hóa – xã hội lên bước phát triển phù hợp với chính sách xã hội của Đảng và Nhà nước.

Trong lĩnh vực an ninh quốc phòng, Đại hội xác định phải nắm vững hai nhiệm vụ chiến lược, thường xuyên nâng cao cảnh giác, xây dựng nền quốc phòng toàn dân, bảo đảm an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội, làm tròn nghĩa vụ với cả nước và nghĩa vụ quốc tế, phát động phong trào toàn Đảng, toàn dân, toàn quân xây dựng nền quốc phòng toàn dân, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân trên tất

Hội thi tìm hiểu giá trị văn hóa - lịch sử tỉnh Đồng Nai năm 2015

cả các địa bàn. Kết hợp chặt chẽ kinh tế với quốc phòng, quốc phòng với kinh tế hình thành cụm chiến đấu và chiến đấu liên hoàn trong pháo đài quân sự huyện trọng điểm.

Trong công tác nâng cao hiệu lực quản lý của chính quyền và phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, Đại hội xác định vai trò của nhân dân lao động tham gia quản lý kinh tế, quản lý xã hội, quản lý Nhà nước dưới sự lãnh đạo của Đảng là rất quan trọng, quyết định thắng lợi nhiệm vụ đặt ra cho Đảng bộ trong những năm tiếp theo của chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Thực hiện đầy đủ quan điểm lấy dân làm gốc, mọi công việc đều xuất phát do dân và vì dân, phải thực sự dựa vào dân. Các công việc dân phải biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra trong việc xây dựng và thực hiện các chủ trương chính sách nhiệm vụ, chỉ tiêu kinh tế - xã hội, thực hiện quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động và công bằng xã hội.

5. Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Đồng Nai lần thứ V



Hình 1.5: Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Đồng Nai Khóa V

Hội thi tìm hiểu giá trị văn hóa - lịch sử tỉnh Đồng Nai năm 2015



Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Đồng Nai lần thứ V (vòng 1) tiến hành tại thành phố Biên Hòa từ ngày 23 đến 25-4-1991. Tham dự có 349/350 đại biểu được bầu cử dân chủ từ Đại hội của 17 Đảng bộ trực thuộc. Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Đồng Nai lần thứ V (vòng 2) được tổ chức tại thành phố Biên Hòa từ ngày 28-10 đến ngày 01-11-1991. Tham dự Đại hội có 288 đại biểu chính thức đại diện cho 14.650 đảng viên trong 15 Đảng bộ trực thuộc tỉnh dự Đại hội.

Đại hội đã bầu Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (khóa V) gồm 47 đồng chí, bảo đảm theo tiêu chuẩn và yêu cầu về cơ cấu, đủ điều kiện để hoàn thành nhiệm vụ của Đảng bộ trong tình hình mới. Trong đó, có 28 đồng chí là cấp uỷ viên khóa IV, 10 cấp uỷ viên là nữ. Tuổi bình quân là 48,65. Về trình độ văn hóa: cấp 2 có 08 đồng chí, cấp 3 có 39 đồng chí, trung học chuyên nghiệp có 01 đồng chí, Cao đẳng, Đại học có 17 đồng chí, Phó Tiến sĩ có 03 đồng chí. Đại hội bầu đồng chí Phan Văn Trang làm Bí thư, đồng chí Huỳnh Văn Bình, Trần Thị Minh Hoàng làm Phó Bí thư Tỉnh uỷ.

Căn cứ vào tiềm năng và thế mạnh của tỉnh, Đại hội V đã đề ra mục tiêu, nhiệm vụ 05 năm (1991–1995) và đến năm 2000 là: “Phát triển kinh tế toàn diện theo cơ cấu công – nông nghiệp và dịch vụ, nhằm khai thác mọi tiềm năng của các thành phần kinh tế theo định hướng xã hội chủ nghĩa, tiếp tục đổi mới quản lý kinh tế quốc doanh, mở rộng quan hệ kinh tế trong và ngoài nước, đẩy mạnh sản xuất hàng hóa vận động theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước, tích cực ứng dụng khoa học và công nghệ vào sản xuất, đẩy mạnh sự nghiệp văn hóa, y tế, giáo dục và đào tạo. Thực hiện phổ cập tiểu học, xoá mù chữ. Cải thiện đời sống nhân dân. Tạo môi trường thuận lợi cho người lao động có việc làm trong các thành phần kinh tế. Thực hiện một xã hội bình đẳng, dân chủ, kỷ cương. Tăng cường quốc phòng, giữ vững an ninh, ổn định về chính trị, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội”.

Đại hội đề ra 04 mục tiêu phát triển 05 năm (1991–1995) là:

– Ổn định và phát triển sản xuất công nghiệp, nông nghiệp và dịch vụ, mở rộng kinh tế đối ngoại và khu vực trọng điểm kinh tế phía Nam.

– Thực hành tiết kiệm, chống tham nhũng, lãng phí, ổn định đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân, xây dựng nông thôn mới, từng bước giải quyết lao động, giảm tỷ lệ tăng dân số đến năm 1995 xuống dưới 02%.

– Thực hiện dân chủ xã hội chủ nghĩa, xây dựng khối đoàn kết toàn dân; tiếp tục đổi mới nội dung phương thức lãnh đạo của Đảng, Nhà nước, Mặt trận, các đoàn thể quần chúng xã hội.

– Tăng cường quốc phòng, giữ vững an ninh, đảm bảo trật tự trị an toàn xã hội, thực hiện nghiêm kỷ cương pháp luật, ổn định tình hình chính trị trong tỉnh.

6. Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Đồng Nai lần thứ VI



Hình 1.6: Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Đồng Nai lần thứ VI

Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Đồng Nai lần thứ VI (nhiệm kỳ 1996– 2000) tiến hành tại thành phố Biên Hòa từ ngày 02 đến ngày 04-5-1996. Tham dự Đại hội có 353 đại biểu chính thức đại diện cho trên 16.000 đảng viên của 15 Đảng bộ trực thuộc và 670 tổ chức cơ sở Đảng trong toàn tỉnh.

Đại hội bầu Ban Chấp hành khóa VI gồm 47 đồng chí, trong đó có 09 đồng chí nữ, chiếm tỷ lệ 19,1%. Ban Chấp hành khóa VI đã họp phiên thứ nhất, bầu ra

Hội thi tìm hiểu giá trị văn hóa - lịch sử tỉnh Đồng Nai năm 2015



Ban Thường vụ gồm 13 đồng chí, bầu Ủy ban Kiểm tra gồm 08 đồng chí. Ban Chấp hành đã bầu đồng chí Trần Thị Minh Hoàng, nguyên Phó Bí thư, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh khóa V làm Bí thư Tỉnh uỷ. Hai đồng chí: Trần Bửu Hiền, Phó Bí thư Thường trực và Lê Hoàng Quân, Phó Bí thư kiêm Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

Đại hội bầu đoàn đại biểu đi dự Đại hội VIII của Đảng gồm 13 đại biểu chính thức và 01 đại biểu dự khuyết đảm bảo đủ tiêu chuẩn, có cơ cấu hợp lý và đúng thủ tục.

Đại hội đã đề ra phương hướng, mục tiêu tổng quát của Đảng bộ tỉnh 05 năm 1996–2000 là: Giữ vững và tăng cường ổn định chính trị; nắm bắt thời cơ, vượt qua khó khăn thử thách; khai thác và tận dụng mọi nguồn lực cho yêu cầu đầu tư phát triển kinh tế - xã hội theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Phấn đấu xây dựng Đồng Nai thành một tỉnh công nghiệp phát triển, từng bước công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn, đẩy mạnh phát triển thương mại, dịch vụ, du lịch, tiếp tục thực hiện cơ cấu kinh tế công – nông nghiệp – dịch vụ với mức tăng trưởng cao, liên tục, bền vững để đến năm 2000 hình thành cơ cấu kinh tế công nghiệp – dịch vụ – nông nghiệp. Bảo đảm hài hoà giữa tăng trưởng kinh tế liên tục, vững chắc với giải quyết các vấn đề văn hóa – xã hội, an ninh quốc phòng, nâng dần mức sống vật chất, tinh thần của nhân dân; góp phần cùng cả nước thúc đẩy công cuộc đổi mới phát triển một cách toàn diện và đồng bộ, tạo tiền đề cơ bản cho bước phát triển cao hơn trong những năm đầu thế kỷ XXI. Phải phấn đấu thực hiện các mục tiêu chủ yếu là: “Đưa nhịp độ tăng trưởng kinh tế hàng năm từ 16% trở lên để đến năm 2000, GDP bình quân đầu người đạt trên 850 USD. Tỷ trọng công nghiệp 43,5%, dịch vụ 37% và nông nghiệp 19,5% trong cơ cấu kinh tế”.

7. Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Đồng Nai lần thứ VII



Hình 1.7: Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Đồng Nai Khóa VII

Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Đồng Nai lần thứ VII (nhiệm kỳ 2001– 2005) được tiến hành tại thành phố Biên Hoà trong hai ngày 28 và 29-12-2000. Dự Đại hội có 350 đại biểu chính thức thay mặt cho 22.626 đảng viên thuộc 14 Đảng bộ trực thuộc tỉnh.

Đại hội đã bầu Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa VII, gồm 47 đồng chí. Ban Chấp hành khóa VII đã họp phiên thứ nhất, bầu ra Ban Thường vụ Tỉnh uỷ gồm 13 đồng chí. Đồng chí Lê Hoàng Quân được bầu giữ chức vụ Bí thư Tỉnh uỷ Đồng Nai khóa VII. Đồng chí Trần Đình Thành là Phó Bí thư Thường trực và đồng chí Võ Văn Một là Phó Bí thư kiêm Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh. (Năm 2004, đồng chí Lê Hoàng Quân được Trung ương phân công làm Phó Bí thư Thường trực Thành uỷ Thành phố Hồ Chí Minh và đồng chí Trần Đình Thành được Trung ương bổ nhiệm làm Bí thư Tỉnh uỷ Đồng Nai khóa VII). Đại hội cũng bầu đoàn đại biểu đi dự Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng gồm 13 đại biểu chính thức và 01 đại biểu dự khuyết.

Phương hướng, mục tiêu tổng quát của Đảng bộ tỉnh đến năm 2005 là: Tận dụng thời cơ, vượt qua thử thách, giữ vững ổn định chính trị, phát huy tối đa mọi nguồn lực, nâng cao năng lực cạnh tranh phù hợp tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực, góp phần tích cực đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Tập trung sức phát triển các ngành công nghiệp chủ lực, lợi thế ở địa phương; ứng dụng có hiệu quả thành tựu khoa học công nghệ phục vụ sản xuất và đời sống, tạo nền tảng để đến năm 2010 cơ bản trở thành một tỉnh công nghiệp trong vùng kinh tế trọng điểm phía Nam. Bảo đảm tăng trưởng kinh tế cao, bền vững; gắn tăng trưởng kinh tế, nâng cao chất lượng đời sống vật chất - tinh thần của nhân dân với thực hiện công bằng xã hội, bảo vệ và tái tạo môi trường sinh thái. Phấn đấu đến năm 2010, tổng sản phẩm quốc nội bình quân đầu người tăng hơn 2 lần so với năm 2000, với cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động hợp lý, làm giảm đáng kể tình trạng chênh lệch giữa thành thị và nông thôn.

8. Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Đồng Nai lần thứ VIII



Hình 1.8: Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Đồng Nai Khóa VIII



Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Đồng Nai lần thứ VIII (nhiệm kỳ 2005– 2010) được tiến hành tại thành phố Biên Hoà trong 3 ngày, từ 21 đến 23-12-2005. Dự Đại hội có 300 đại biểu chính thức thay mặt cho 31.889 đảng viên.

Đại hội đã bầu Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa VIII, gồm 49 ủy viên chính thức. Ban Chấp hành khóa VIII đã họp phiên thứ nhất, bầu ra Ban Thường vụ Tỉnh uỷ gồm 13 đồng chí. Đồng chí Trần Đình Thành được bầu giữ chức vụ Bí thư Tỉnh uỷ Đồng Nai khóa VIII. Đồng chí Lê Hồng Phương là Phó Bí thư Thường trực và đồng chí Võ Văn Một là Phó Bí thư kiêm Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh. Đại hội cũng bầu đoàn đại biểu đi dự Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng gồm 13 đại biểu chính thức và 01 đại biểu dự khuyết.

Mục tiêu tổng quát đến năm 2010 là tiếp tục đổi mới mạnh mẽ và đồng bộ hơn, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng bộ, phát huy sức mạnh toàn dân, xây dựng Đồng Nai thành tỉnh công nghiệp theo hướng hiện đại.

Để thực hiện mục tiêu tổng quát đó, phương hướng chung là: Phát huy tối đa nguồn nội lực, đặc biệt là nhân tố con người. Đẩy mạnh phát triển sự nghiệp giáo dục - đào tạo, khoa học - công nghệ. Mở rộng quan hệ hợp tác kinh tế với vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, khu vực và thế giới. Duy trì tốc độ tăng trưởng kinh tế cao và bền vững, tạo bước chuyển biến mạnh mẽ về chất, nâng sức cạnh tranh của nền kinh tế, đẩy nhanh tiến trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá theo định hướng xã hội chủ nghĩa, nhất là công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn. Phát triển kinh tế với cơ cấu hợp lý, nâng cao tỷ trọng khu vực dịch vụ. Kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế với quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế gắn với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, giải quyết tốt các vấn đề xã hội bức xúc. Coi văn hoá là nền tảng, là động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Tập trung cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác chỉ đạo, điều hành của bộ máy Nhà nước các cấp. Tiếp tục đẩy mạnh cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng; nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng bộ. Đổi mới nội



dung, phương thức, nâng cao chất lượng hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể, phát huy hơn nữa sức mạnh tổng hợp của khối đại đoàn kết toàn dân.

Mục tiêu chủ yếu giai đoạn 5 năm 2005 – 2010:

- Giá trị tổng sản phẩm quốc nội GDP tăng bình quân khoảng 14 - 14,5%/năm. Trong đó:

- Công nghiệp - xây dựng tăng bình quân khoảng 16 - 16,5%/năm.
- Các ngành dịch vụ tăng bình quân khoảng 15 - 15,5%/năm.
- Ngành nông, lâm, ngư nghiệp tăng bình quân khoảng 4 - 4,5%/năm.

- GDP bình quân đầu người đến năm 2010 đạt khoảng 1.400 - 1.450 USD (gấp gần 2 lần năm 2005).

- Tiếp tục chuyển dịch cơ cấu kinh tế một cách hợp lý hơn theo hướng phát triển mạnh dịch vụ và công nghiệp. Đến năm 2010, tỷ trọng công nghiệp - xây dựng chiếm 57%, dịch vụ chiếm 34% và nông - lâm - ngư nghiệp chiếm 9%.

- Tổng kim ngạch xuất khẩu trên địa bàn tăng bình quân 20 - 22%/năm.

- Tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội 5 năm 2005 - 2010 chiếm 42% GDP.

- Nâng độ che phủ cây xanh trên diện tích toàn tỉnh đến năm 2010 đạt 50%; trong đó, tỷ lệ che phủ của rừng đạt 30%.

- Tổng thu ngân sách Nhà nước hàng năm chiếm 23 - 25% GDP.

- Giảm tỷ lệ tăng dân số tự nhiên còn 1,15%.

- Giảm tỷ lệ thất nghiệp ở khu vực thành thị xuống dưới 2,8%. Nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo trên phạm vi toàn tỉnh đến năm 2010 đạt 53 - 55% (trong đó 40% được đào tạo nghề).

- Trên 90% ấp, khu phố và hộ gia đình đạt tiêu chuẩn văn hóa, 100% cơ quan, đơn vị văn hóa, 95% doanh nghiệp có đời sống văn hóa.

- Hoàn thành phổ cập trung học trên phạm vi toàn tỉnh.

- Giảm tỷ lệ hộ nghèo còn dưới 4% (theo chuẩn mực mới).

- Tỷ lệ hộ dùng điện đạt 98%; tỷ lệ hộ dùng nước sạch đạt trên 95%.

Hội thi tìm hiểu giá trị văn hóa - lịch sử tỉnh Đồng Nai năm 2015

- Thu gom và xử lý khoảng 70 - 80% các loại rác thải sinh hoạt khu đô thị, khu công nghiệp đạt tiêu chuẩn về vệ sinh môi trường.

- Giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng ở trẻ dưới 5 tuổi xuống dưới 15%.

- Giữ vững tỷ lệ tập hợp trên 80% quần chúng trong độ tuổi vào tổ chức, riêng Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh 40% và Hội Liên hiệp thanh niên 60%. Tỷ lệ đoàn viên, hội viên tham gia sinh hoạt và công tác thường xuyên từ 75% trở lên. Tỷ lệ cơ sở vững mạnh đạt trên 70%. Xây dựng lực lượng nòng cốt trong các đoàn thể chính trị, xã hội đạt 35% tổng số đoàn viên, hội viên.

- Phần đấu hàng năm có trên 85% tổ chức cơ sở đảng đạt trong sạch, vững mạnh và có trên 80% đảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ. Hàng năm, kết nạp đảng đạt từ 7 - 8% so với tổng số đảng viên của Đảng bộ đầu năm. Đến năm 2010, 100% ấp (khu phố) đều có chi bộ đảng.

9. Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Đồng Nai lần thứ IX



Hình 1.9: Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Đồng Nai Khóa IX

Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Đồng Nai lần thứ IX (nhiệm kỳ 2010– 2015) được tiến hành tại thành phố Biên Hoà từ 22 đến 25-9-2010. Dự Đại hội có 350 đại biểu chính thức thay mặt cho trên 45.000 đảng viên.



Đại hội đã bầu Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa IX gồm 51 ủy viên chính thức. Ban Chấp hành khóa IX đã họp phiên thứ nhất, bầu ra Ban Thường vụ Tỉnh uỷ gồm 13 đồng chí. Đồng chí Trần Đình Thành được bầu giữ chức vụ Bí thư Tỉnh uỷ Đồng Nai khóa IX. Đồng chí Lê Hồng Phương là Phó Bí thư Thường trực và đồng chí Đinh Quốc Thái là Phó Bí thư kiêm Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh. Đại hội cũng bầu đoàn đại biểu đi dự Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng gồm 16 đại biểu chính thức và 02 đại biểu dự khuyết.

Mục tiêu tổng quát đến năm 2015 là: Tiếp tục đổi mới phương thức và nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của Đảng bộ; phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân; phát triển kinh tế với tốc độ tăng trưởng cao, bền vững; nâng cao chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh; chủ động, tích cực hội nhập quốc tế; đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đi đôi với bảo vệ môi trường; thực hiện tốt và đồng bộ các chính sách an sinh xã hội; nâng cao hơn nữa chất lượng cuộc sống của nhân dân; bảo đảm vững chắc quốc phòng an ninh; xây dựng Đồng Nai thành tỉnh cơ bản công nghiệp hóa - hiện đại hóa vào năm 2015.

Để thực hiện mục tiêu tổng quát trên, cần tập trung thực hiện tạo bước đột phá trong các lĩnh vực sau:

- Tập trung thu hút, đãi ngộ, đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, hình thành đội ngũ chuyên gia giỏi đầu ngành đáp ứng yêu cầu phát triển.
- Tăng cường đào tạo nghề cho lao động nông thôn. Nâng cao tiềm lực khoa học và công nghệ gắn với nâng cao hiệu quả ứng dụng vào thực tiễn.
- Đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng, nhất là các tuyến giao thông kết nối vào các khu vực đô thị và khu công nghiệp trong tỉnh, các tuyến đường cao tốc.
- Phát triển mạnh các ngành dịch vụ chất lượng cao (tài chính, ngân hàng, vận tải - kho bãi, thông tin liên lạc, khách sạn nhà hàng).
- Thu hút đầu tư các ngành công nghiệp kỹ thuật cao, các ngành công nghiệp tạo ra sản phẩm có hàm lượng công nghệ và có giá trị gia tăng cao. Xây dựng thương hiệu sản phẩm công nghiệp.



- Phát triển hạ tầng kinh tế xã hội nông thôn và nâng cao chất lượng, phát triển thương hiệu nông sản hàng hóa. Khuyến khích, tạo điều kiện phát triển các nhân tố của nền kinh tế tri thức.

Các chỉ tiêu chủ yếu:

- Tổng sản phẩm trong nước (GDP) 5 năm 2010 - 2015 tăng bình quân từ 13 - 14%/năm. Trong đó: giá trị tăng thêm (GDP) khu vực công nghiệp- xây dựng tăng từ 13% - 14%, dịch vụ tăng từ 15% - 16%, nông, lâm, ngư nghiệp tăng từ 3,5% - 4%.

- GDP bình quân đầu người năm 2015 (theo giá hiện hành) khoảng 2.900 - 3.000 USD. Cơ cấu kinh tế năm 2015: lĩnh vực công nghiệp - xây dựng chiếm 56- 57%; lĩnh vực dịch vụ chiếm 38 - 39%; lĩnh vực nông, lâm, ngư nghiệp chiếm 5 - 6%.

- Tổng kim ngạch xuất khẩu trên địa bàn tăng bình quân 15- 17%/năm. Tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội 5 năm 2010 - 2015 khoảng 260- 270 ngàn tỷ đồng (chiếm bình quân 40 - 43% GDP/năm). Tổng thu ngân sách Nhà nước hàng năm so với GDP đạt tỷ lệ 23 - 25%.

- Đến năm 2015, toàn tỉnh có trên 20% xã đạt chuẩn nông thôn mới theo tiêu chí của tỉnh. Giảm và giữ ổn định mức tăng dân số tự nhiên đến năm 2015 là 1,1%.

- Nâng tỷ lệ sinh viên đại học, cao đẳng đạt 300 sinh viên/vạn dân vào năm 2015. Nâng tỷ lệ giường bệnh và tỷ lệ bác sĩ là 26 giường bệnh và 8 bác sĩ trên 1 vạn dân. Giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi đến năm 2015 còn dưới 12,5%.

- Giảm tỷ lệ hộ nghèo mỗi năm từ 1,5% theo chuẩn nghèo hiện hành của tỉnh. Nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo đến năm 2015 đạt trên 65%. Giảm tỷ lệ lao động không có việc làm ở khu vực đô thị xuống dưới 2,6%.

- Đến năm 2015, toàn tỉnh có 90% ấp, khu phố đạt tiêu chuẩn ấp, khu phố văn hóa và trên 98% hộ gia đình đạt tiêu chuẩn hộ gia đình văn hoá. Có 80% dân số khu vực nông thôn tham gia thường xuyên vào các hoạt động văn hóa, trên 30%



tham gia tập thể dục thể thao thường xuyên và 100% xã có trung tâm văn hóa thể thao. Tỷ lệ hộ dân có sử dụng điện đạt 99%. Tỷ lệ che phủ cây xanh đạt 56%; trong đó giữ vững tỷ lệ che phủ rừng đạt 29,76%.

- Thu gom và xử lý 100% chất thải y tế, rác thải sinh hoạt đô thị, chất thải rắn công nghiệp không nguy hại; thu gom 100% và xử lý trên 80% chất thải nguy hại. Tỷ lệ hộ nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 95%; tỷ lệ hộ đô thị được sử dụng nước sạch đạt 99%.

- Hoàn thành chỉ tiêu tuyển quân hàng năm Chính phủ giao. Đồng thời, *giữ vững sự ổn định chính trị và đảm bảo trật tự an toàn xã hội trong mọi tình huống.*

- Tỷ lệ tập hợp quần chúng trong độ tuổi vào các tổ chức đoàn thể hàng năm đạt trên 85%; riêng Đoàn TNCS Hồ Chí Minh đạt và Hội Liên hiệp Thanh niên đạt từ 55% trở lên. Tỷ lệ đoàn viên, hội viên tham gia sinh hoạt và công tác thường xuyên đạt trên 80%, xây dựng lực lượng nòng cốt trong các đoàn thể chính trị - xã hội đạt từ 45% trở lên. Tỷ lệ đoàn, hội cơ sở vững mạnh đạt trên 80%.

- Phân đấu hàng năm trên 80% tổ chức cơ sở đảng đạt trong sạch, vững mạnh; trên 80% đảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ; kết nạp đảng viên mới đạt từ 7 - 8% so với tổng số đảng viên của Đảng bộ cuối năm trước; giải quyết trên 95% đơn, thư tố cáo - khiếu nại kỷ luật thuộc thẩm quyền; giảm tỷ lệ đảng viên trong toàn Đảng bộ tỉnh bị thi hành kỷ luật hàng năm từ 0,01 - 0,02%. Đến năm 2015, 100% ấp, khu phố có chi bộ



10. Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Đồng Nai lần thứ X



Hình 1.10: Toàn cảnh Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Đồng Nai lần thứ X

Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Đồng Nai lần thứ X (nhiệm kỳ 2015 – 2020) được tiến hành tại thành phố Biên Hoà từ ngày 28 đến 30-9-2010. Dự Đại hội có 350 đại biểu chính thức thay mặt cho gần 66.000 đảng viên.

Đại hội đã bầu Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa X gồm 52 ủy viên chính thức. Ban Chấp hành khóa X đã họp phiên thứ nhất, bầu ra Ban Thường vụ Tỉnh uỷ gồm 14 đồng chí. Đồng chí Nguyễn Phú Cường được bầu giữ chức vụ Bí thư Tỉnh uỷ Đồng Nai khóa X. Đồng chí Trần Văn Tư là Phó Bí thư Thường trực; Đồng chí Phan Thị Mỹ Thanh là Phó Bí thư tỉnh uỷ và đồng chí Đinh Quốc Thái là Phó Bí thư kiêm Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh. Đại hội cũng bầu đoàn đại biểu đi dự Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng gồm 16 đại biểu chính thức và 02 đại biểu dự khuyết.



Hình 1.11: Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Đồng Nai Khóa X

Trên cơ sở dự báo tình hình quốc tế và trong nước trong những năm tới, Đại hội nhất trí:

Về phương hướng phát triển của tỉnh trong 5 năm tới là: Tiếp tục phát triển kinh tế với nhịp độ nhanh, bền vững. Xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc văn hóa dân tộc; xây dựng con người phát triển toàn diện. Tăng cường công tác bảo vệ và cải thiện môi trường. Chủ động ứng phó thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng tránh thiên tai. Tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh. Tiếp tục tạo sự chuyển biến, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác dân vận. Hoàn thiện tổ chức và nâng cao chất lượng, hiệu lực, hiệu quả hoạt động bộ máy nhà nước. Tập trung xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của các tổ chức Đảng, chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên. Tập trung xử lý tốt các mối quan hệ giữa yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, đầu tư kết cấu hạ tầng với khả năng về nguồn lực, vấn đề môi sinh, môi trường, giải quyết an sinh xã hội, về hiệu quả, hiệu lực quản lý nhà nước.



Hình 1.12: Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng tham dự và chỉ đạo Đại hội

Về các lĩnh vực đột phá:

- Tập trung đầu tư các công trình hạ tầng xã hội và dịch vụ; trong đó ưu tiên đầu tư, nâng cấp các công trình cấp nước sạch phục vụ dân sinh và các thiết chế văn hóa phục vụ người lao động.
- Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao. Đầu tư phát triển giáo dục mầm non.
- Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính theo hướng xây dựng nền hành chính hiện đại.
- Nêu cao tính tiên phong, gương mẫu của đảng viên, nhất là cán bộ chủ chốt các cấp.

Mục tiêu tổng quát trong 5 năm tới là: Tăng cường xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh; nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng bộ; phát huy sức mạnh đoàn kết toàn dân; phát triển kinh tế nhanh, bền vững; xây dựng và phát triển con người toàn diện; nâng cao đời sống vật chất và tinh thần

của nhân dân; bảo đảm vững chắc quốc phòng an ninh; xây dựng Đồng Nai giàu mạnh, văn minh.



Hình 1.13: Đại biểu biểu quyết thông qua Nghị quyết Đại hội

Các chỉ tiêu chủ yếu:

- Tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) tăng bình quân từ 8-9%/năm. GRDP bình quân đầu người năm 2020 đạt từ 5.300 -5.800 USD. Kim ngạch xuất khẩu tăng từ 9-11%/năm. Tỷ lệ thu ngân sách Nhà nước hàng năm so với GRDP đạt từ 17-18%.

Tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội 5 năm từ 400-420 ngàn tỷ đồng. Đến năm 2020, toàn tỉnh có 80% xã đạt chuẩn nông thôn mới, trong đó 15% xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao; 80% đơn vị cấp huyện đạt chuẩn nông thôn mới.

- Đến năm 2020 tỷ lệ tăng dân số tự nhiên giảm còn 1%; bình quân 1 vạn dân có 30 giường bệnh và 8,5 bác sĩ; tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng chiều cao theo tuổi giảm còn 23%, cân nặng theo tuổi giảm còn 8%; tỷ lệ hộ nghèo giảm còn dưới 1% (theo chuẩn nghèo của tỉnh giai đoạn 2016-2020); khoảng 55% lực lượng lao động tham gia bảo hiểm xã hội, 40% lực lượng lao động tham gia bảo hiểm thất nghiệp, trên 80% dân số tham gia bảo hiểm y tế; tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề đạt 65%, trong đó tỷ lệ đào tạo từ trung cấp nghề trở lên là 20%; giảm tỷ lệ lao động không có việc làm ở khu vực đô thị xuống còn 2,4%; toàn tỉnh có 98% hộ gia đình đạt

Hội thi tìm hiểu giá trị văn hóa - lịch sử tỉnh Đồng Nai năm 2015

tiêu chuẩn hộ gia đình giữ vững và phát huy danh hiệu gia đình văn hóa; trên 95% ấp, khu phố đạt tiêu chuẩn giữ vững và phát huy danh hiệu ấp, khu phố văn hóa.

- Đến năm 2020 có 80% hộ dân nông thôn được sử dụng nước sạch đạt tiêu chuẩn quốc gia; thu gom và xử lý 100% chất thải y tế, rác thải sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp không nguy hại, chất thải nguy hại; tỷ lệ che phủ cây xanh đạt 52%; trong đó giữ vững tỷ lệ che phủ rừng 29,76%.

- Hoàn chỉnh quy hoạch khu vực phòng thủ và xây dựng công trình quốc phòng theo đúng quy định. Hoàn thành 100% chỉ tiêu động viên, tuyển quân, xây dựng lực lượng vũ trang vững mạnh toàn diện, huấn luyện, diễn tập, giáo dục quốc phòng toàn dân và bồi dưỡng kiến thức quốc phòng, an ninh cho các đối tượng.

- Tỷ lệ tập hợp quần chúng trong độ tuổi vào các tổ chức đoàn thể hàng năm đạt từ 85% trở lên, riêng đoàn thanh niên đạt 35%. Tỷ lệ đoàn viên, hội viên tham gia sinh hoạt và công tác thường xuyên đạt trên 80%, xây dựng lực lượng nòng cốt trong các đoàn thể chính trị - xã hội đạt từ 45% trở lên. Tỷ lệ đoàn, hội cơ sở vững mạnh đạt trên 80%.

- Phấn đấu hàng năm trên 80% tổ chức cơ sở Đảng đạt trong sạch, vững mạnh; trên 85% đảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên; kết nạp đảng viên mới đạt từ 5 - 6% so với tổng số đảng viên của Đảng bộ đầu năm; trên 90% chi bộ ấp, khu phố có chi ủy (vào cuối nhiệm kỳ); giải quyết trên 95% đơn thư tố cáo, khiếu nại kỷ luật Đảng thuộc thẩm quyền; tỷ lệ đảng viên trong toàn Đảng bộ bị thi hành kỷ luật hàng năm dưới 0,6% so với tổng số đảng viên của Đảng bộ.



Hình 1.14: Ban Thường vụ tỉnh ủy Khóa X



Câu 2: Chủ trương nào trong các kỳ Đại hội được bạn tâm đắc nhất, vì sao?



Hình 2.1: Đại biểu Đảng bộ tỉnh Đồng Nai lần thứ IX biểu quyết thông qua Nghị quyết Đại hội

Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Đồng Nai lần thứ IX (nhiệm kỳ 2010– 2015) xác định chủ trương tập trung thực hiện tạo bước đột phá trong các lĩnh vực sau:

- Tập trung thu hút, đãi ngộ, đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, hình thành đội ngũ chuyên gia giỏi đầu ngành đáp ứng yêu cầu phát triển.
- Tăng cường đào tạo nghề cho lao động nông thôn. Nâng cao tiềm lực khoa học và công nghệ gắn với nâng cao hiệu quả ứng dụng vào thực tiễn.
- Đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng, nhất là các tuyến giao thông kết nối vào các khu vực đô thị và khu công nghiệp trong tỉnh, các tuyến đường cao tốc.
- Phát triển mạnh các ngành dịch vụ chất lượng cao (tài chính, ngân hàng, vận tải - kho bãi, thông tin liên lạc, khách sạn nhà hàng).



- Thu hút đầu tư các ngành công nghiệp kỹ thuật cao, các ngành công nghiệp tạo ra sản phẩm có hàm lượng công nghệ và có giá trị gia tăng cao. Xây dựng thương hiệu sản phẩm công nghiệp.

- Phát triển hạ tầng kinh tế xã hội nông thôn và nâng cao chất lượng, phát triển thương hiệu nông sản hàng hóa. Khuyến khích, tạo điều kiện phát triển các nhân tố của nền kinh tế tri thức.

Trong các chủ trương trên tôi tâm đắc nhất là chủ trương tập trung thực hiện tạo bước đột phá trong việc **nâng cao tiềm lực khoa học và công nghệ gắn với nâng cao hiệu quả ứng dụng vào thực tiễn**. Tôi tâm đắc nhất chủ trương trên là vì tôi công tác tại Sở khoa học và Công nghệ thời gian dài, hiểu được sự phát triển đột phá của khoa học và công nghệ trong 5 năm qua, cảm thấy vô cùng tự hào, hãnh diện trước những thành tựu từ việc thực hiện chủ trương trên như kết quả đổi mới quản lý và xây dựng tiềm lực khoa học công nghệ, kết quả nhiên cứu đề tài khoa học gắn với ứng dụng thực tiễn, nhiệm vụ phát triển khoa học và công nghệ không chỉ gắn với nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, mà còn lan tỏa rộng đến nhiều địa phương trong cả nước, nhiều tầng lớp nhân dân thụ hưởng được thành tựu của khoa học công nghệ và sự đột phá của khoa học và công nghệ sẽ còn phát huy trong nhiều năm nữa.

Ngoài những thành tựu về ứng dụng công nghệ thông tin đã có có tầm ảnh hưởng sâu rộng trong giai đoạn 2005 - 2010, những thành tựu đột phá giai đoạn 2010 – 2015 tôi được nghe từ người dân, đối tác làm việc trong và ngoài tỉnh khen tặng khi mọi người biết mình làm việc tại Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Đồng Nai như sau:



Hình 2.2: Sở Khoa học và Công nghệ đạt nhiều giải thưởng trong nước và quốc tế về công nghệ thông tin

1. Trung tâm Ứng dụng công nghệ sinh học bắt đầu khởi động từ cuối năm 2010 và trong năm 2011 thực hiện Nghị quyết 11 của Chính phủ về kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô nên việc triển khai đầu tư tạm thời dừng lại. Bước sang năm 2012, dự án được khởi động lại đã đánh dấu một bước tiến mới trong việc đưa nhanh các ứng dụng công nghệ sinh học trong sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh. Trung tâm Ứng dụng công nghệ sinh học đã khảo nghiệm kết luận được loại nhà màng phù hợp với thời tiết và khí hậu của Đồng Nai và phù hợp cho việc sản xuất rau ăn quả, rau ăn lá và hoa ở Đồng Nai; đã thực nghiệm đánh giá lựa chọn được giống, quy trình, giá thể trồng của 17 dưa lê vằn lưới, 8 giống dưa leo có năng suất và chất lượng cao, đã có sản lượng dưa lê vằn lưới để thăm dò thị trường và sản xuất hạt giống F1 dưa leo; sản xuất 42 sản phẩm giống cây trồng, trong đó xuất khẩu sang Myanmar giống đậu xanh VINO 79 và sang Philippin giống khổ qua galaxy, dưa leo VINO 302. Sản phẩm rau củ quả tươi có chứng

nhận Global GAP do Control Union (Anh Quốc) cấp từ tháng 4/2014. Trà thảo mộc Panas Karantina được bộ Y Tế cấp phép lưu hành toàn quốc từ tháng 6/2014 và đạt chứng nhận Global GAP.



Hình 2.3: Phối cảnh Trung tâm Ứng dụng công nghệ sinh học



Hình 2.4: Thủ tướng Chính phủ thăm và làm việc tại Trung tâm Ứng dụng CNSH

Với mục tiêu chuyển giao quy trình đối với con nuôi chưa được phổ biến rộng trong nông dân theo quy mô hộ gia đình, Trung tâm xây dựng các mô hình và quy trình nuôi chồn sản xuất cà phê chồn, nuôi heo rừng bán hoang dã, nuôi dúi bán công nghiệp, Nuôi chim trĩ, gà đông tảo và phát triển đàn bằng thụ tinh nhân tạo. nuôi ong mật với hệ thống hạ thủy phần 500kg/m². Trung tâm đang triển khai dự án sản xuất tinh và nâng cao hiệu quả sinh sản ở giống bò Úc Droughmaster.

Đặc biệt, Trung tâm đã khảo nghiệm thành công giống siêu cao lương và đang thử nghiệm đánh giá quy trình để nhân rộng thành loại cây trồng mới có hiệu quả cao và thị trường đa dạng vì có thể làm nguyên liệu cho chăn nuôi, sản xuất viên nén sinh học, đường cao cấp và xăng sinh học.

2. Mô hình “Ngày hội đồng ruộng” hàng năm với gần 2000 nông dân tham dự là hoạt động thiết thực giúp cho nhà khoa học, nhà quản lý, nhà đầu tư và nông dân tại nhiều địa phương trong cả nước gặp nhau giao lưu, trao đổi, học tập kinh nghiệm và tiếp thu kết quả nghiên cứu ứng dụng công nghệ sinh học trong nông nghiệp.



Hình 2.5: Mô hình trình diễn trong ngày Hội ruộng đồng

3. Thành tựu trong lãnh vực khoa học công nghệ mà tôi tâm đắc nhất, đó là Chương trình Đào tạo sau đại học do Sở Khoa học và Công nghệ làm chủ nhiệm,. Đây là một bộ phận quan trọng của Đề án Tổng thể đào tạo nguồn nhân lực được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua ngày 21/7/2005 nhằm nâng cao trình độ chuyên môn cho đối tượng là cán bộ công chức viên chức, Chương trình còn có đối tượng là học sinh giỏi ở phổ thông trung học để tạo nguồn cán bộ lãnh đạo cho tỉnh về lâu dài. Chương trình còn tạo điều kiện cho học viên nhà nghèo hiếu học có cơ hội học tập nâng cao trình độ phục vụ lâu dài trong bộ máy quản lý hành chính nhà nước và các tổ chức kinh tế, chính trị xã hội.

Sau gần 10 năm triển khai, Chương trình đã có những thành quả vượt bậc, đã và đang tạo bước đột phá về cả số lượng và chất lượng, góp phần phát triển bền vững nguồn nhân lực khoa học và công nghệ của tỉnh Đồng Nai. Trong giai đoạn 2006-2010 tổng số học viên tham gia Chương trình là 356 người, giai đoạn 2011-2015 số học viên tham gia tăng lên 1.604 bằng 450,56% giai đoạn 2006-2010. Trong đó, giai đoạn 2011-2015 học viên có trình độ tiến sĩ tăng nhanh, từ 12 học viên trong giai đoạn 2006-2010 tăng lên 129 học viên trong giai đoạn 2011-2015.

Triển vọng 2015-2020 học viên tham gia Chương trình trình độ tiến sĩ sẽ tăng nhanh hơn vì theo kết quả khảo sát có 160 người tốt nghiệp thạc sĩ có nguyện vọng học tiếp tiến sĩ. Số học viên tốt nghiệp với chất lượng học tập cao và số học viên sau khi tốt nghiệp về công tác đều thể hiện được khả năng đáp ứng với công việc cao hơn, hiệu quả công việc tốt hơn. Tôi cũng là một trong gần 2000 học viên của Chương trình.



Hình 2.6: UBND tỉnh tặng bằng khen cho học viên có thành tích học tập xuất sắc

Tổng số học viên đã hoàn thành Chương trình Đào tạo Sau đại học đến thời điểm hiện nay là 696 học viên trong đó 109 người được bổ nhiệm chức vụ cao hơn và 156 người được quy hoạch vào chức vụ cao hơn. Đặc biệt, có 01 học viên đã được công nhận thành viên Ban Giám khảo Giải thưởng CNTT - Châu Á Thái Bình Dương; 44 học viên đạt giải cao trong Hội thi sáng tạo kỹ thuật của tỉnh Đồng Nai các năm từ 2011-2014. Có 12 học viên đã đảm nhận vai trò chủ nhiệm và trên 50 học viên tham gia đề tài nghiên cứu khoa học công nghệ cấp tỉnh. tập trung ở lĩnh vực CNTT, Công nghệ sinh học và Cơ điện tử, trong đó đã nghiên cứu sản xuất thành công cà phê chồn, khảo nghiệm thành công các giống dưa lưới, dưa

leo phù hợp với mô hình công nghệ cao trong nhà màng; Thiết kế, chế tạo cân ô tô dạng modul sử dụng cho nền đất yếu; Thiết kế hệ thống kiểm định taximet; Thiết kế thiết bị kẹp đa năng phục vụ cho kiểm định an toàn; Xác lập phong phóng xạ trên các huyện của tỉnh Đồng Nai.

Học viên tham gia chương trình có tuổi đời dưới 40 tuổi chiếm tỷ lệ 76%, đây là nguồn nhân lực sẽ có trình độ chuyên môn cao trong những năm tới khi có thời gian tích lũy kinh nghiệm công tác và học thêm với trình độ cao hơn.



Hình 2.7: Khai giảng lớp năng khiếu Robot

Bên cạnh Chương trình Đào tạo sau đại học, Sở Khoa học và Công nghệ còn là Chủ nhiệm Chương trình đào tạo năng khiếu Robot. Chương trình đào tạo năng khiếu Robot từ học sinh THPT và THCS với mục đích nuôi dưỡng niềm đam mê sáng tạo khoa học kỹ thuật cho thế hệ trẻ tỉnh Đồng Nai, đã đào tạo được 684 học sinh khối THPT và 807 học sinh khối THCS, trong đó hầu hết học viên Chương trình đã thi vào đại học chuyên ngành khoa học tự nhiên và khoa học kỹ thuật. Đây sẽ là nguồn bổ sung vào nhân lực khoa học và công nghệ cho cả nước nói chung và cho Chương trình Đào tạo sau đại học của tỉnh Đồng Nai nói riêng.

Hội thi tìm hiểu giá trị văn hóa - lịch sử tỉnh Đồng Nai năm 2015

Nhiệm vụ đột phá của khoa học và công nghệ không chỉ phát huy bằng tiềm lực hiện có mà trong tương lai sẽ có cường độ đột phá mạnh lên gấp nhiều lần với những dự án đang được chuẩn bị đầu tư mở rộng và đầu tư mới như Dự án Trung tâm chiếu xạ; Trung tâm Quan trắc phóng xạ môi trường; Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng, Trung tâm Thông tin và Thống kê khoa học và công nghệ tỉnh; Khu Công nghệ cao CNSH mở rộng thêm 500 ha; Khu nông nghiệp công nghệ cao nuôi tôm 700 ha, Bảo tàng khoa học và thành phố khoa học ... Với sự tập trung chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh và sự nỗ lực của tập thể Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Đồng Nai, tôi tin tưởng mục tiêu phấn đấu “Cất cánh tàu bay khoa học và công nghệ Đồng Nai và làm chủ một phần bầu trời khoa học và công nghệ Việt Nam” sẽ được từng bước hiện thực trong giai đoạn 2016 - 2020./.



Hình 2.8: XƯA ...



Hình 2.9: và NAY...

Câu 3: Đánh giá những hạn chế của ngành hoặc lĩnh vực nơi bạn đang công tác và đề xuất giải pháp khắc phục trong thời gian tới (hoặc ngành và lĩnh vực mà bạn biết và quan tâm nhiều nhất)

1. Những hạn chế của hoạt động khoa học và công nghệ tỉnh Đồng Nai



Hình 3.1: Hội nghị cán bộ công chức, viên chức đánh giá kết quả và triển khai nhiệm vụ hoạt động khoa học và công nghệ năm 2015

Là cán bộ công tác tại Sở Khoa học và Công nghệ tôi có cơ hội tìm hiểu về hoạt động của Sở thông qua Hội nghị cán bộ công chức, viên chức đánh giá kết quả và triển khai nhiệm vụ hoạt động khoa học và công nghệ hàng năm tôi có điều kiện tiếp cận với thông tin điều hành của Sở nên tôi rất tự hào về những thành tựu của hoạt động khoa học và công nghệ mà tôi đã nêu ở câu 2. Tôi không chỉ tự hào về những thành tựu của hoạt động khoa học và công nghệ mà còn trăn trở trước những tồn tại, hạn chế của ngành như sau:

- Một số cấp ủy đảng, chính quyền địa phương trong tỉnh nhận thức về nghiên cứu, ứng dụng và phát triển khoa học và công nghệ chưa thật đầy đủ, chưa coi đây là một nhiệm vụ trọng tâm; chưa bố trí cán bộ lãnh đạo có đủ thẩm quyền



trực tiếp chỉ đạo công tác khoa học và công nghệ. Đầu tư nguồn lực cho khoa học và công nghệ chưa tương xứng. Chưa chú trọng đến hoạt động sáng kiến, cải tiến kỹ thuật nên chưa tạo ra phong trào phát huy sáng kiến trong cơ quan, đơn vị.

- Việc thể chế hóa và tổ chức thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về khoa học và công nghệ còn thiếu chủ động, quyết liệt. Chưa có các giải pháp đồng bộ và cơ chế kiểm tra, giám sát hiệu quả. Sự phối hợp giữa các sở, ban, ngành và các địa phương chưa chặt chẽ; nhiều khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện chậm được tháo gỡ.

- Các chính sách về hỗ trợ doanh nghiệp cải tiến, đổi mới công nghệ chưa thực sự hấp dẫn, chưa có đủ cơ sở pháp lý để thúc đẩy và hấp dẫn các doanh nghiệp đầu tư đổi mới trang thiết bị, đổi mới công nghệ, đào tạo nguồn nhân lực có đủ năng lực tiếp nhận và sử dụng có hiệu quả công nghệ mới. Vì vậy các doanh nghiệp còn tận dụng các thiết bị công nghệ cũ, lạc hậu, gây ô nhiễm môi trường, làm hạn chế quá trình chuyển giao công nghệ mới vào sản xuất, kinh doanh.

- Cơ chế huy động nguồn lực đầu tư vào KH&CN chưa đủ mạnh. Cơ chế quản lý nguồn vốn đầu tư phát triển KH&CN chưa rõ ràng, cụ thể. Cơ chế khuyến khích, thu hút người giỏi, người có tài về công tác cho tỉnh chưa đủ mạnh nên việc thu hút nhân tài còn nhiều hạn chế. Năng lực tiếp nhận, nguồn nhân lực thực hiện tại các cấp cơ sở, doanh nghiệp còn thiếu và chưa được đào tạo. Chưa có chính sách hỗ trợ, khen thưởng đối với những người có trình độ đã có nhiều cống hiến cho sự nghiệp CNH-HĐH.

- Chậm hình thành được các khu công nghiệp, nông nghiệp công nghệ cao; vùng sản xuất hàng hóa tập trung còn nhỏ lẻ, phân tán; các cơ sở chế biến, bảo quản nông sản sau thu hoạch chưa nhiều, quy mô nhỏ. Công tác tuyên truyền phổ biến và chuyển giao các tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất và đời sống còn hạn chế, cả về số lượng và chất lượng.

- Nhân lực KH&CN chưa đáp ứng được yêu cầu đẩy mạnh CNH-HĐH. Đội ngũ cán bộ có trình độ cao đẳng, đại học của các ngành khá đông, nhưng số người có trình độ trên đại học không nhiều. Số cán bộ chuyên làm công tác nghiên cứu

triển khai KH&CN của tỉnh hầu như không có, phần lớn cán bộ tham gia hoạt động nghiên cứu triển khai là kiêm nhiệm. Có một số ít người chuyên làm công tác nghiên cứu, đó là số cán bộ đã nghỉ hưu. Trong đội ngũ những người làm công tác nghiên cứu triển khai về KH&CN của tỉnh có nhiều người có kinh nghiệm thực tiễn nhưng rất ít người có trình độ học vấn cao, chuyên gia giỏi trên các lĩnh vực.



Hình 3.2: Học viên Chương trình Đào tạo sau đại học ở nước ngoài còn rất ít

- Cơ chế, chính sách khuyến khích đổi mới công nghệ chưa phù hợp. Nhiều doanh nghiệp chậm đổi mới công nghệ sản xuất, chủ yếu do khó khăn về tài chính, cũng như cơ chế, chính sách khuyến khích đổi mới công nghệ chưa phù hợp. Tại nhiều dự án đầu tư, doanh nghiệp vẫn sử dụng công nghệ lạc hậu, không đồng bộ, dẫn đến sản phẩm hàng hóa có sức cạnh tranh thấp. Các đơn vị KH&CN trong tỉnh chuyển đổi cơ chế tài chính theo tinh thần Luật KH&CN còn chậm; giữa quản lý nhà nước và tư vấn dịch vụ KH&CN chưa có ranh giới rõ ràng. Một số đơn vị, tổ chức KH&CN còn tư tưởng bao cấp, nên hạn chế sự phát triển và sức sáng tạo KH&CN.

- Chi tiêu ngân sách cho hoạt động KH&CN còn thấp. Chi tiêu ngân sách nhà nước cho hoạt động KH&CN mới đạt 0,50% so tổng chi ngân sách tỉnh (bằng



0,08% so GDP) chưa đạt yêu cầu của Nghị quyết Trung ương 2, khoá VIII là đầu tư mức tối thiểu 2% so với tổng chi ngân sách. Một số lĩnh vực còn chưa quyết tâm và đầu tư còn dàn trải cho KH&CN, do chưa có cơ chế đa dạng hoá nguồn đầu tư tài chính cho KH&CN, hiện tại chỉ tiêu cho hoạt động KH&CN vẫn chủ yếu vẫn dựa vào ngân sách nhà nước.

- Tiềm lực KH&CN vẫn còn yếu, nhưng chưa được chú ý phát triển đúng mức. Mặc dù, việc đầu tư tiềm lực KH&CN đã được chú trọng; song một số thiết bị được đầu tư không đồng bộ và do năng lực cán bộ vận hành máy móc, trang thiết bị còn hạn chế, nên chưa phát huy được hiệu quả phục vụ cho công tác nghiên cứu, triển khai, ứng dụng khoa học công nghệ như mong muốn. Quỹ phát triển KH&CN của tỉnh cũng như Quỹ phát triển KH&CN của doanh nghiệp chưa được hình thành, nên thiếu tiềm lực ứng dụng, đổi mới công nghệ. Mạng lưới các tổ chức KH&CN của Tỉnh còn tương đối mỏng, tiềm lực KH&CN nhỏ, năng lực nghiên cứu - triển khai chưa mạnh.

- Thị trường KH&CN mới hình thành, còn rất nhỏ bé, do chưa tạo được môi trường cho thị trường phát triển. Giữa nghiên cứu ứng dụng và triển khai ra diện rộng còn có khoảng cách nhất định. Nhiều đơn vị, doanh nghiệp chưa chú ý đúng mức và chưa sử dụng thành quả KH&CN vào sản xuất, kinh doanh. Trình độ công nghệ các doanh nghiệp trong nước còn thấp, chất lượng các sản phẩm chưa đủ sức cạnh tranh trên thị trường trong điều kiện hội nhập sâu như hiện nay.

- Cơ chế gắn kết giữa Trung ương - địa phương, giữa Viện Trường - doanh nghiệp chưa mang lại kết quả và hiệu quả cao. Quan hệ gắn kết giữa khoa học - đào tạo, giữa nghiên cứu - sản xuất, kinh doanh, giữa cơ quan Trung ương với địa phương và giữa nhà khoa học - người dân phát huy còn hạn chế. Nhiều nhà khoa học, đặc biệt là nhiều giảng viên trường đại học chưa nhiệt huyết với hoạt động nghiên cứu khoa học.



Hình 3.3: Kết quả thực hiện thỏa thuận hợp tác với các trường đại học chưa nhiều

- Công tác truyền thông, tuyên truyền về KH&CN đã được đẩy mạnh nhưng chưa đáp ứng được yêu cầu, đặc biệt là truyền thông, tuyên truyền về cơ chế, chính sách của Nhà nước phù hợp với cơ chế thị trường và đặc thù của hoạt động KH&CN.

2. Nguyên nhân của hạn chế trong hoạt động khoa học và công nghệ tỉnh Đồng Nai

a) Nguyên nhân chủ quan:

- Công tác phối hợp giữa Sở KH&CN với các sở, ngành liên quan chưa được thường xuyên, nhất là sự phối hợp trong công tác truyền thông, tuyên truyền vận động các doanh nghiệp tham gia các chương trình khoa học công nghệ.

- Chính sách thu hút nhân tài chưa đủ sức hấp dẫn để thu hút nguồn nhân lực có trình độ cao về làm việc tại tỉnh. Việc đào tạo và đào tạo lại cán bộ còn gặp nhiều khó khăn trong đào tạo nâng cao trình độ, nhất là việc đào tạo tập trung, do số lượng biên chế ít, công việc lại kiêm nhiệm nhiều. Lực lượng lao động chủ yếu xuất thân từ nông dân, chưa qua đào tạo, việc đào tạo nghề ở các cơ sở còn nhiều bất cập, cả quy mô và nội dung đào tạo.

- Việc sơ kết, tổng kết, nhân rộng các mô hình đạt hiệu quả còn hạn chế. Nhiều doanh nghiệp hoạt động kém, rất chậm đổi mới công nghệ. Tổ chức quản lý KH&CN chưa hình thành hệ thống từ tỉnh đến cấp huyện, cấp xã. Đội ngũ cán bộ KH&CN đã ít, lại hoạt động phân tán ở các sở, ban, ngành, cấp huyện, nên không tạo được sức mạnh tổng hợp.

b) Nguyên nhân khách quan:

- Nhà nước tuy đã có nhiều chủ trương, chính sách về KH&CN, nhưng nhiều lĩnh vực còn chưa cụ thể và chưa đồng bộ nên khó vận dụng vào địa phương. Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp cải tiến, đổi mới công nghệ theo quy định của Trung ương chưa thực sự hấp dẫn

- Cơ sở pháp lý cho hoạt động chuyển giao công nghệ hiện nay còn thiếu và không đồng bộ, không tạo môi trường pháp lý thuận lợi cho các hoạt động chuyển giao công nghệ.

- Các cơ sở pháp lý về chi phí thẩm định công nghệ chưa được Bộ, ngành hướng dẫn cụ thể. Hoạt động chuyển giao công nghệ theo chiều dọc (từ Viện, Trường chuyển cho doanh nghiệp) còn thiếu các văn bản pháp lý.

3. Giải pháp khắc phục những hạn chế của hoạt động khoa học và công nghệ tỉnh Đồng Nai

3.1 Đổi mới tư duy, tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước đối với sự nghiệp phát triển KH&CN

- Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp ủy Đảng và chính quyền về vai trò của KH&CN trong sự nghiệp CNH-HĐH đất nước. Xác định việc phát huy và phát triển KH&CN là một nhiệm vụ trọng tâm của các cấp ủy đảng và chính quyền; là một trong những nội dung lãnh đạo quan trọng của người đứng đầu cấp ủy Đảng, chính quyền từ tỉnh đến cơ sở. Việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ KH&CN được xem là một trong những tiêu chí đánh giá hiệu quả lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của người đứng đầu, của cấp ủy Đảng và chính quyền.



Hình 3.4: Buổi gặp gỡ giữa lãnh đạo tỉnh và đại diện đội ngũ trí thức tỉnh Đồng Nai

- Cấp ủy Đảng từ tỉnh đến cơ sở có trách nhiệm trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo: làm tốt công tác tư tưởng để toàn xã hội hiểu và đề cao vai trò quốc sách hàng đầu của KH&CN trong phát triển kinh tế-xã hội, phát triển bền vững. Các cấp ủy Đảng tập trung và huy động mọi nguồn lực cho phát triển KH&CN; đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng và phát huy tài năng đội ngũ cán bộ KH&CN; tôn vinh, nhân rộng các cán bộ KH&CN điển hình tiên tiến. Thực hiện đổi mới và áp dụng các phương thức lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức, điều hành phù hợp trong quản lý, phát triển, ứng dụng và chuyển giao công nghệ.

- Xác định đầu tư cho KH&CN là đầu tư cho phát triển bền vững, giành ưu tiên hàng đầu trong việc bố trí ngân sách cho KH&CN. Gắn mục tiêu, nhiệm vụ phát triển KH&CN với các mục tiêu phát triển kinh tế-xã hội từng ngành, từng cấp; đưa kế hoạch nghiên cứu, ứng dụng và phát triển KH&CN trở thành một cấu thành không thể thiếu của quy hoạch, kế hoạch phát triển của các ngành, các cấp. Việc xây dựng và thực hiện các dự án đầu tư, chương trình phát triển kinh tế-xã hội phải có căn cứ khoa học, có hạng mục nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ cần thiết và phải được thẩm định cơ sở khoa học và thẩm định công nghệ trong giai đoạn xây dựng dự án, chương trình.



3.2 Đổi mới cơ chế xây dựng và tổ chức thực hiện nhiệm vụ KH&CN

a) Đổi mới cơ chế xây dựng

- Xoá bỏ cơ chế xin cho trong việc xác định nhiệm vụ khoa học công nghệ. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ hằng năm cần phải thông qua Hội đồng Tư vấn khoa học và công nghệ trước khi trình UBND tỉnh quyết định. Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm chủ trì phối hợp với các Sở, ngành liên quan tham mưu, đề xuất UBND tỉnh phê duyệt kế hoạch đầu tư cho phát triển và ứng dụng khoa học và công nghệ; và có trách nhiệm quản lý, sử dụng đúng mục đích, có hiệu quả ngân sách nhà nước đầu tư cho khoa học và công nghệ.

- Đẩy mạnh cơ chế đặt hàng của các ngành, các cấp và phương thức tuyển chọn tổ chức, cá nhân có khả năng tham gia thực hiện. Các ngành, các cấp có trách nhiệm tiếp nhận, tổ chức sử dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ do mình đề xuất đặt hàng sau khi được đánh giá, nghiệm thu và thực hiện báo cáo về kết quả sử dụng hằng năm.

- Đối với các nhiệm vụ KH&CN mang tính ứng dụng, xuất phát từ nhu cầu nâng cao chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của các sản phẩm, thực hiện cơ chế liên kết giữa tổ chức KH&CN với cơ sở áp dụng kết quả nghiên cứu trong toàn bộ quá trình từ xác định nhiệm vụ, tổ chức thực hiện, đánh giá và đưa kết quả nghiên cứu vào thực tiễn.



Hình 3.5: Mô hình thâm canh bắp lai tại huyện Xuân Lộc

a) Phân công, phân cấp rõ ràng trong xây dựng và tổ chức thực hiện nhiệm vụ KH&CN

- UBND tỉnh quyết định các định hướng phát triển KH&CN trọng điểm được quy định trong Quy hoạch phát triển KH&CN làm cơ sở xác định nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh, có tầm quan trọng mang tính liên ngành và dài hạn, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng và nâng cao năng lực KH&CN của Tỉnh; các nhiệm vụ KH&CN trọng điểm cấp Tỉnh, các nhiệm vụ KH&CN phục vụ trực tiếp cho sự chỉ đạo điều hành của UBND Tỉnh. Sở KH&CN chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố trực thuộc Tỉnh xây dựng và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ KH&CN này, lồng ghép với các chương trình kinh tế - xã hội.

- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh quyết định nhiệm vụ KH&CN phục vụ trực tiếp mục tiêu phát triển của mình, không trùng lặp với nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh. Cơ quan quản lý KH&CN thuộc sở, ban, ngành cấp tỉnh giúp Giám đốc sở, ban, ngành xây dựng và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ KH&CN thuộc phạm vi quản lý.

- Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố trực thuộc Tỉnh (gọi chung là huyện) quyết định nhiệm vụ KH&CN chủ yếu mang tính ứng dụng, phục vụ trực tiếp mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Cơ quan quản lý KH&CN của các huyện giúp Chủ tịch ủy ban nhân dân xây dựng và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ KH&CN của địa phương.

- Nhiệm vụ KH&CN của các sở, ban, ngành cấp tỉnh và cấp huyện gọi là nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở, do Giám đốc sở KH&CN phê duyệt danh mục, thẩm định đề cương và nghiệm thu đánh giá kết quả.

- Tăng cường sự điều phối của UBND tỉnh trong việc xây dựng và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ KH&CN để tránh sự chồng chéo và trùng lặp. Sở KH&CN giúp UBND tỉnh tổ chức thực hiện việc điều phối này.

b) Hoàn thiện phương thức tổ chức thực hiện nhiệm vụ KH&CN



Hình 3.6: Tổ chức gặp mặt các nhà khoa học để lắng nghe các ý kiến đóng góp cho sự nghiệp phát triển KH&CN tỉnh Đồng Nai

- Đổi mới căn bản công tác đánh giá hoạt động KH&CN dựa trên những tiêu chuẩn rõ ràng, cụ thể, phù hợp với từng loại hình nghiên cứu: đối với nghiên cứu cơ bản phải đánh giá bằng chất lượng khoa học phù hợp với chuẩn mực quốc tế; đối với nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ phải lấy hiệu quả kinh tế - xã hội của việc ứng dụng trong thực tiễn làm tiêu chuẩn chủ yếu.

- Hoàn thiện các quy định về thành lập và hoạt động của các hội đồng tư vấn xác định, tuyển chọn và đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN, bảo đảm tính độc lập và khách quan của hội đồng. Xây dựng cơ sở dữ liệu về chuyên gia đánh giá, tiêu chuẩn thành viên và cơ cấu hội đồng phù hợp với từng loại hình nghiên cứu.

- Cơ quan quản lý KH&CN các cấp có trách nhiệm xây dựng và bảo đảm thực hiện cơ chế đưa nhanh các kết quả nghiên cứu KH&CN áp dụng vào thực tiễn. Tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ KH&CN có trách nhiệm thực hiện các quy định về lưu giữ, bảo mật, phổ biến và sử dụng và chuyển giao kết quả



nghiên cứu KH&CN. Các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế có trách nhiệm đầu tư cho nghiên cứu và đổi mới công nghệ nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm hàng hoá, dịch vụ, tăng cường khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp. Nhà nước ban hành các chính sách khuyến khích và thúc đẩy các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế đổi mới công nghệ.

- Tạo cơ chế thông thoáng trong việc ứng dụng, sản xuất thử nghiệm từ kết quả nghiên cứu khoa học, làm cơ sở cho việc nhân rộng trong việc áp dụng vào sản xuất và đời sống xã hội. Nhân rộng kết quả phong trào hội thi nhằm thúc đẩy phong trào sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất; phát triển dịch vụ KH&CN; tăng cường công tác phổ biến kiến thức KH&CN để nâng cao dân trí về KH&CN. Doanh nghiệp được hạch toán các chi phí về tổ chức thi sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất vào chi đầu tư cho KH&CN.

- Triển khai mô hình hợp tác công - tư trong lĩnh vực khoa học và công nghệ; phát triển các hình thức hợp tác nghiên cứu, đổi mới công nghệ, đào tạo phát triển nguồn nhân lực giữa khu vực công và tư. Thu hút hình thức đầu tư khoa học và công nghệ từ các nước phát triển, tạo điều kiện thuận lợi cho việc mua, bán, trao đổi công nghệ và có cơ chế đặc thù cho việc giải mã công nghệ. Áp dụng cơ chế thuê chuyên gia trong và ngoài nước.

3.3 Hoàn thiện cơ chế hoạt động bộ máy quản lý nhà nước về KH&CN



Hình 3.7: Lễ ra mắt bộ phận một cửa điện tử hiện đại Sở KH&CN

- Thực hiện cải cách hành chính trong cơ quan quản lý nhà nước về KH&CN theo hướng tập trung vào nhiệm vụ quản lý nhà nước, tách nhiệm vụ sự nghiệp ra khỏi cơ quan hành chính, tăng cường chức năng giám sát, kiểm tra. Đẩy mạnh đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ, năng lực của đội ngũ nhân lực quản lý nhà nước về KH&CN.

- Hoàn thiện tổ chức quản lý nhà nước về KH&CN cấp huyện. Tiếp tục xây dựng mô hình tổ chức hoạt động và quản lý nhà nước về KH&CN công lập cấp huyện, thị xã, thành phố Biên Hòa và các đơn vị, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh theo hướng huy động thêm nguồn lực bổ sung vào nguồn lực của tỉnh.



Hình 3.8: Hội thảo xây dựng kế hoạch hoạt động KH&CN cấp huyện

- Hướng dẫn doanh nghiệp đánh giá công nghệ, đổi mới công nghệ, tập trung chủ yếu vào các sản phẩm xuất khẩu chủ lực. Báo cáo hiện trạng công nghệ hằng năm của tỉnh để có kế hoạch đổi mới công nghệ. Kiện toàn hội đồng thẩm định công nghệ các dự án đầu tư theo hướng mới các chuyên gia ở trung ương và khai thác các thông tin công nghệ ở các tổ chức KH&CN trung ương.

- Tăng cường hỗ trợ doanh nghiệp phát triển hoạt động sở hữu công nghiệp. Cung cấp thông tin sở hữu công nghiệp phục vụ hoạt động nghiên cứu triển khai, hướng dẫn và hỗ trợ các doanh nghiệp, cá nhân tạo dựng và tạo lập quyền, khai thác và phát triển giá trị thương mại và bảo vệ tài sản sở hữu công nghiệp, đặc biệt là tên gọi, xuất xứ hàng hóa, chỉ dẫn địa lý dùng cho đặc sản của địa phương.

Xác định và hướng dẫn các tổ chức, cá nhân tiến hành xác lập quyền sở hữu công nghiệp đối với sản phẩm làng nghề truyền thống của địa phương. Hướng dẫn doanh nghiệp chủ động trong hội nhập kinh tế quốc tế, xác định sản phẩm và thị trường tiềm năng; trên cơ sở đó, hướng dẫn thủ tục xác lập quyền sở hữu công nghiệp đối với các sản phẩm đó ở nước ngoài.

Tăng cường hiệu quả của hệ thống bảo đảm thực thi quyền sở hữu trí tuệ, nâng cao năng lực của thanh tra KH&CN để có thể đóng vai trò là cơ quan đầu mối điều phối, tổ chức phối hợp hoạt động của các cơ quan bảo đảm thực thi quyền sở hữu công nghiệp để phát hiện và xử lý hành chính các hành vi xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp.



Hình 3.9: Tọa đàm về hoạt động tiêu chuẩn đo lường chất lượng các tỉnh, thành phố miền Đông Nam bộ

- Đẩy mạnh việc phối hợp với các ngành, các cấp trong hoạt động quản lý nhà nước về tiêu chuẩn – đo lường – chất lượng. Thực hiện có hiệu quả công tác hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng lực cạnh tranh, phát triển năng suất, chất lượng và ứng dụng các thành tựu KH&CN về tiêu chuẩn – đo lường – chất lượng trong hoạt động sản xuất, kinh doanh.

Đầu tư tăng cường lực hiệu chuẩn, thử nghiệm sản phẩm hàng hóa cho Trung tâm Ứng dụng KH&CN tỉnh đáp ứng yêu cầu hội nhập khu vực và quốc tế. Đẩy mạnh thực hiện các hoạt động về hàng rào kỹ thuật trong thương mại tỉnh Đồng Nai.

3.4 Đẩy mạnh nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng công nghệ.

- Tập trung các nguồn lực triển khai để giải quyết, bảo đảm mang lại hiệu quả thiết thực các chương trình khoa học và công nghệ trọng điểm; nghiên cứu, ứng dụng và phát triển đồng bộ khoa học xã hội, nhân văn, khoa học tự nhiên, khoa học kỹ thuật công nghệ và các hướng công nghệ ưu tiên phù hợp với Đồng Nai: công nghệ thông tin - truyền thông, công nghệ sinh học, công nghệ vật liệu mới, công nghệ chế tạo máy - tự động hóa và công nghệ môi trường.



Hình 3.10: Hội nghị nghiệm thu đề tài Lịch sử Đảng bộ quân sự tỉnh Đồng Nai

- Tổ chức nghiên cứu, tổng kết - đánh giá khoa học, khách quan tình hình thực hiện tại địa phương về các đường lối, chủ trương, chính sách pháp luật của Đảng, Nhà nước và của tỉnh trong phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa thể chế kinh tế thị trường, định hướng xã hội chủ nghĩa. Xây dựng những đề tài nghiên cứu sâu hơn về kinh tế, kỹ thuật, văn hóa, dân tộc, tôn giáo nhằm xác lập những luận cứ khoa học, thực tiễn cho những quyết định, chủ trương của lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ.

- Thúc đẩy công tác nghiên cứu và ứng dụng công nghệ mới, cải tiến công nghệ trong các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh cho các doanh nghiệp trong bối cảnh hội nhập kinh tế. Hình thành lực lượng doanh nghiệp khoa học và công nghệ, các trung tâm đổi mới công nghệ trong các doanh nghiệp nhằm đẩy mạnh hoạt động sáng tạo và khai thác công nghệ phục vụ sản xuất, kinh doanh.

- Tạo cơ chế thông thoáng trong việc ứng dụng, sản xuất thử nghiệm từ kết quả nghiên cứu khoa học làm cơ sở cho việc nhân rộng trong việc áp dụng vào sản xuất và đời sống xã hội. Nhân rộng kết quả phong trào hội thi nhằm thúc đẩy phong trào sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, hợp lý hoá sản xuất; phát triển dịch vụ khoa học và công nghệ; tăng cường công tác phổ biến kiến thức khoa học và công nghệ để nâng cao dân trí về khoa học và công nghệ. Doanh nghiệp tổ chức thi sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, hợp lý hoá sản xuất thì kinh phí cho hoạt động này được tính là đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ.

3.5 Đổi mới quản lý nhân lực KH&CN:



Hình 3.11: PGS.TS Phạm Văn Sáng tư vấn về chương trình đào tạo cho các học sinh giỏi quốc gia

Đổi mới cơ chế quản lý nhân lực KH&CN nhằm phát huy tối đa tiềm năng sáng tạo của đội ngũ cán bộ KH&CN; tạo động lực vật chất và tinh thần, thực hiện chế độ thù lao, đãi ngộ theo mức độ cống hiến và các chính sách khuyến khích khác đối với cán bộ KH&CN.

a) Xây dựng cơ chế, chính sách tạo động lực cho cán bộ KH&CN:

- Sớm ban hành chính sách sử dụng và trọng dụng cán bộ khoa học và công nghệ, trong đó quy định rõ cơ chế tự chủ tài chính, chế độ đãi ngộ đối với cán bộ khoa học và công nghệ được giao chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ. Có chính sách đặc thù thu hút các nhà khoa học đầu ngành trong và ngoài nước vào làm việc tại Trung tâm Ứng dụng công nghệ sinh học và Bảo tàng khoa học tỉnh Đồng Nai. Có cơ chế, khuyến khích, hỗ trợ hình thành, phát triển các tổ chức nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong doanh nghiệp. Ban hành và thực thi quy chế dân chủ trong hoạt động khoa học và công nghệ, đặc biệt trong khoa học xã hội và nhân văn nhằm phát huy năng lực sáng tạo và nâng cao trách



nhiệm của các nhà khoa học trong hoạt động tư vấn, phản biện và giám định xã hội các chủ trương chính sách, dự án phát triển kinh tế - xã hội.

- Khuyến khích và thu hút chuyên gia giỏi là người Việt Nam ở nước ngoài và chuyên gia nước ngoài tham gia phát triển KH&CN của Tỉnh. Áp dụng mức thu nhập đặc biệt đối với cán bộ chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH&CN có tầm quan trọng đặc biệt trong các lĩnh vực phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh. Cán bộ KH&CN có trình độ, năng lực chuyên môn ngang bằng chuyên gia nước ngoài, cùng vị trí công tác trong các dự án hợp tác, được hưởng mức thu nhập tương đương với mức thu nhập bình quân do các tổ chức quốc tế, nước ngoài trả cho người Việt Nam.

- Có cơ chế đặc thù nâng lương trước thời hạn đối với cán bộ khoa học hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, có thành tích trong nghiên cứu và ứng dụng KH&CN.

b) Tăng cường đào tạo và đào tạo lại nhân lực KH&CN:

- Dành một khoản kinh phí thích đáng để đào tạo, bồi dưỡng nhân tài, cán bộ KH&CN trình độ cao, kỹ thuật viên lành nghề phục vụ cho các ngành kinh tế trọng điểm và các lĩnh vực công nghệ cao, đáp ứng nhu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá của Tỉnh; định kỳ đào tạo lại cho cán bộ KH&CN để cập nhật kiến thức và kỹ năng mới. Đẩy mạnh đào tạo cán bộ KH&CN tại các cơ sở đào tạo nước ngoài có trình độ KH&CN tiên tiến; có cơ chế sử dụng có hiệu quả cán bộ KH&CN sau khi đào tạo.

- Tạo điều kiện thuận lợi, khuyến khích mở các trường đại học, viện nghiên cứu quốc tế hoặc khu vực tại Tỉnh. Thu hút các viện nghiên cứu, trường đại học có uy tín của nước ngoài liên kết hoặc mở phân viện, phân hiệu hoặc tổ chức các chương trình đào tạo nhân lực KH&CN tại Tỉnh. Khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia trực tiếp vào quá trình đào tạo nhân lực KH&CN, nhất là khu vực kinh tế tư nhân và khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài.



3.6 Phát triển mạnh mẽ tiềm lực KH&CN:



Hình 3.12: Mô hình trồng dưa lưới công nghệ cao

- Nhanh chóng nâng cao năng lực KH&CN làm nền tảng vững chắc và động lực mạnh mẽ phát triển kinh tế - xã hội ở tỉnh. Đẩy mạnh đầu tư xây dựng, nâng cao tiềm lực và nâng cấp các cơ sở KH&CN tạo sự phát triển mạnh mẽ về tiềm lực KH&CN. Tập trung xây dựng các mô hình ứng dụng công nghệ cao, công nghệ sinh học trong Trung tâm Ứng dụng công nghệ sinh học, làm tiền đề cho việc phát triển sản xuất trên cơ sở công nghệ cao và có khả năng nhân rộng.

- Tập trung mọi nguồn lực đầu tư xây dựng Khu công nghệ cao chuyên ngành công nghệ sinh học, Trung Tâm chiếu xạ của tỉnh. Đồng thời, phối hợp với Bộ KH&CN, Viện Hàn lâm KH&CN Việt Nam triển khai xây dựng Bảo Tàng khoa học để làm tiền đề đề xuất nâng tầm quy hoạch khu vực Khu Công Nghệ Cao chuyên ngành công nghệ sinh học thành đô thị khoa học và giáo dục của quốc gia, nhằm tạo hiệu ứng số nhân từ việc quy tụ đội ngũ các nhà khoa học và trí thức

phục vụ cho sự nghiệp CNH-HĐH của tỉnh. Có chính sách khuyến khích đầu tư các vườn ươm doanh nghiệp và các Trung tâm cung cấp dịch vụ khoa học và công nghệ thông tin trên địa bàn tỉnh.



Hình 3.13: Bộ Khoa học và Công nghệ và UBND tỉnh Đồng Nai tổ chức Hội thảo về Bảo tàng khoa học Đồng Nai

3.7 Đổi mới cơ chế đầu tư tài chính cho hoạt động KH&CN:

Đổi mới cơ chế tài chính nhằm tăng nguồn tài chính ngoài ngân sách nhà nước cho phát triển; nâng cao hiệu quả đầu tư của Nhà nước cho KH&CN; tạo động lực cho tổ chức và cá nhân hoạt động KH&CN.

a) Đa dạng hoá nguồn vốn đầu tư cho KH&CN:

- Sớm đưa Quỹ phát triển Khoa học và Công nghệ tỉnh vào hoạt động. Có cơ chế sử dụng vốn sự nghiệp kinh tế hỗ trợ đổi mới và chuyển giao công nghệ. Khuyến khích tư nhân thành lập hoặc liên kết với Nhà nước thành lập các quỹ đầu tư mạo hiểm đối với hoạt động nghiên cứu phát triển công nghệ mới, công nghệ cao. Nghiên cứu ban hành quy định về việc doanh nghiệp trong nước lập quỹ phát triển khoa học và công nghệ; coi đây là yêu cầu bắt buộc đối với doanh nghiệp nhà

Hội thi tìm kiếm giá trị văn hóa - lịch sử tỉnh Đồng Nai năm 2015

nước và là hoạt động được khuyến khích đối với các doanh nghiệp khác để thực hiện nghiên cứu, ứng dụng kết quả nghiên cứu phục vụ đổi mới công nghệ và sản phẩm; doanh nghiệp được khấu hao nhanh đối với tài sản, thiết bị, máy móc; được vay vốn với lãi suất ưu đãi tại Quỹ phát triển KH&CN tỉnh để tiến hành hoạt động nghiên cứu, ứng dụng và đổi mới công nghệ.



Hình 3.14: Hội thảo về cơ chế đầu tư tài chính cho hoạt động KH&CN

- Tăng cường khai thác các nguồn vốn từ hợp tác quốc tế cho phát triển KH&CN. Tạo môi trường thuận lợi cho các tổ chức KH&CN khai thác nguồn vốn ngoài nước từ hoạt động hợp tác quốc tế bằng nhiều hình thức khác nhau: hợp tác nghiên cứu, đào tạo song phương, đa phương; khuyến khích tổ chức, cá nhân nước ngoài đầu tư, thành lập tổ chức KH&CN tại Đồng Nai dưới nhiều hình thức (hợp tác, liên kết giữa bên Việt Nam và các bên nước ngoài; các tổ chức KH&CN 100% vốn nước ngoài... Ưu tiên nguồn vốn ODA đầu tư phát triển tiềm lực KH&CN, đặc biệt trong các lĩnh vực KH&CN trọng điểm của tỉnh, như: các tổ chức nghiên cứu và phát triển trọng điểm, các phòng thí nghiệm trọng điểm, các khu công nghệ cao.



b) Đổi mới chính sách đầu tư và cơ chế phân bổ ngân sách nhà nước cho hoạt động KH&CN:

- Sử dụng đúng mục đích và có hiệu quả 2% tổng chi ngân sách Nhà nước hàng năm cho khoa học và công nghệ. Ngân sách nhà nước tập trung đầu tư vào các nhiệm vụ KH&CN trọng điểm của tỉnh, các nhiệm vụ KH&CN phục vụ trực tiếp cho sự chỉ đạo điều hành của UBND tỉnh, chính sách và những lĩnh vực công ích do UBND tỉnh quy định. Khuyến khích mọi thành phần kinh tế, đặc biệt là khu vực doanh nghiệp tăng đầu tư vào các lĩnh vực nghiên cứu, phát triển và đổi mới công nghệ.

- Nhà nước tập trung đầu tư đồng bộ giữa hạ tầng cơ sở, trang thiết bị với đào tạo cán bộ KH&CN, đổi mới việc xây dựng một số tổ chức nghiên cứu và phát triển đạt trình độ hiện đại, tiên tiến; đồng thời áp dụng chế độ ưu đãi đặc biệt (về nhà ở, điều kiện làm việc, chế độ thu nhập, xuất nhập cảnh thuận lợi...) để thu hút chuyên gia giỏi trong nước và nước ngoài tới làm việc tại các tổ chức này.

- Dành kinh phí cần thiết cho các khâu hình thành, xác định nhiệm vụ KH&CN; tuyển chọn tổ chức và cá nhân thực hiện đề tài, dự án; kiểm tra và đánh giá định kỳ kết quả hoạt động KH&CN; đánh giá nghiệm thu kết quả nghiên cứu và hỗ trợ ứng dụng kết quả nghiên cứu vào thực tiễn để đảm bảo chất lượng và hiệu quả hoạt động KH&CN.

- Sở KH&CN chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính và các cơ quan có liên quan thống nhất việc xây dựng cơ cấu phân bổ ngân sách nhà nước dành cho KH&CN, trình UBND tỉnh phê duyệt.

c) Hoàn thiện cơ chế sử dụng nguồn tài chính tạo động lực cho hoạt động KH&CN:

- Áp dụng cơ chế khoán đối với đề tài, dự án KH&CN trong một số lĩnh vực KH&CN trên cơ sở thẩm định kỹ về nội dung, sản phẩm nghiên cứu và dự toán kinh phí thực hiện. Việc thanh, quyết toán kinh phí thực hiện đề tài, dự án KH&CN phải căn cứ vào kết quả đánh giá chất lượng sản phẩm nghiên cứu là chủ



yếu; bãi bỏ các thủ tục thanh, quyết toán không còn phù hợp trong thực hiện nhiệm vụ KH&CN.

- Có cơ chế về việc trích lập Quỹ khen thưởng từ kinh phí sự nghiệp KH&CN để khen thưởng thỏa đáng đối với tổ chức, cá nhân có kết quả nghiên cứu được ứng dụng rộng rãi và mang lại hiệu quả kinh tế - xã hội cao.

- Nhà nước dành một khoản kinh phí hỗ trợ đăng ký bằng sáng chế, giải pháp hữu ích của cá nhân và doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh; kinh phí để mua sáng chế công nghệ từ các nước phát triển.

3.8 Phát triển thị trường KH&CN



Hình 3.15: Tổ chức Chợ công nghệ và thiết bị là một trong những giải pháp thúc đẩy thương mại hóa kết quả nghiên cứu

- Cần thay đổi tư duy về cách thức quản lý nhà nước về thị trường KH&CN. Nhà nước phải chuyển từ vai trò người chỉ huy và tham gia trực tiếp sang vai trò người tạo môi trường thuận lợi và khuyến khích các hoạt động KH&CN.

-

- Phát triển các tổ chức môi giới công nghệ, tư vấn chuyển giao công nghệ, các tổ chức cung cấp thông tin thị trường công nghệ; hình thành các tổ chức xúc tiến thị trường công nghệ; tổ chức các chợ công nghệ - thiết bị (Techmart).

- Khuyến khích, thúc đẩy các tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế trong nước và nước ngoài đóng trên địa bàn tỉnh tham gia vào thị trường công nghệ, đầu tư và thực hiện các hoạt động nghiên cứu và phát triển, chuyển giao công nghệ - thiết bị, tạo điều kiện thuận lợi thực hiện các giao dịch mua bán công nghệ. Thương mại hóa sản phẩm khoa học công nghệ thông qua việc tổ chức các chợ công nghệ và thiết bị hàng năm trên địa bàn tỉnh

- Cốt lõi của dịch vụ trung gian là con người và cần phải có ngay một đội ngũ nhân lực có khả năng thông thạo lĩnh vực này nếu muốn thị trường KH&CN phát triển. Cần chuyển một phần nhân lực từ các tổ chức nghiên cứu phát triển đang chuyển đổi sang tham gia dịch vụ trung gian để hỗ trợ phát triển thị trường KH&CN.



Hình 3.16: Chương trình hỗ trợ nâng cao năng lực cạnh tranh

- Xây dựng chương trình liên kết giữa KH&CN với đào tạo và sản xuất, kinh doanh để hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng lực quản lý, hiện đại hoá, đổi mới công nghệ, nâng cao năng lực cạnh tranh và hội nhập kinh tế quốc tế.

- Dành tỷ lệ thích đáng kinh phí từ ngân sách nhà nước cho việc hỗ trợ hoàn thiện sản phẩm nghiên cứu có khả năng thương mại hoá. Xây dựng cơ chế đánh giá sau nghiệm thu và cơ chế hỗ trợ kinh phí để hoàn thiện và thương mại hóa các sản phẩm nghiên cứu.

3.9 Tăng cường công tác thông tin – truyền thông về KH&CN



Hình 3.17: Tọa đàm: “Hoạt động thông tin, thống kê khoa học và công nghệ vùng Đông Nam bộ - Thực trạng và định hướng”

- Đẩy mạnh công tác thông tin, truyền thông, tuyên truyền, phổ biến tri thức KH&CN. Trước hết, thông tin, truyền thông KH&CN giữ vai trò chủ đạo trong công tác giới thiệu, phổ biến đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, coi phát triển KH&CN là quốc sách hàng đầu, động lực quan trọng để phát



triển kinh tế - xã hội và bảo vệ Tổ quốc. Qua các kênh truyền thông, người dân cũng như các cấp quản lý ý thức được vai trò của KH&CN có tính chất quyết định phát triển lực lượng sản xuất, nâng cao tính cạnh tranh và hiệu quả của sản phẩm, hàng hóa và của cả nền kinh tế. Không chỉ dừng lại ở mức nhận thức, truyền thông phải tạo được sự đồng thuận, ủng hộ, tham gia của toàn xã hội, biến thành hành động, đẩy mạnh hơn nữa việc áp dụng KH&CN vào công tác quản lý, sản xuất và đời sống. Một vai trò trọng yếu khác của thông tin, truyền thông KH&CN là tuyên truyền, phổ biến, đưa nhanh các tri thức KH&CN vào thực tiễn sản xuất và đời sống. Từ những thông tin phục vụ cho công tác lãnh đạo chỉ đạo, điều hành; thông tin phục vụ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; phục vụ chuyển giao, đổi mới công nghệ; đến những tri thức khoa học thường thức gắn liền với đời sống hàng ngày của mỗi người dân.

- Đào tạo đội ngũ cán bộ truyền thông giỏi cả chuyên môn và nghiệp vụ báo chí. Đồng thời, phải tăng cường sự gắn bó giữa các nhà khoa học với cán bộ truyền thông; người làm chuyên môn phải chủ động cung cấp thông tin và những người làm truyền thông cũng chủ động đến với nhà khoa học.

- Quan tâm đầu tư, tạo ra nguồn lực nhất định cho truyền thông KH&CN. Ví dụ, bố trí kinh phí tuyên truyền vào đề tài, dự án của các nhà khoa học. Khi lập dự toán phải có mục tuyên truyền phổ biến kết quả nghiên cứu, tổ chức hội nghị, hội thảo. Cần có kinh phí đào tạo nghiệp vụ cho phóng viên về KH&CN, đào tạo về nghiệp vụ truyền thông cho cán bộ khoa học, thậm chí có cả những khóa đào tạo trong nước và nước ngoài.

- Xây dựng và nâng cấp cơ sở vật chất - kỹ thuật theo hướng hiện đại hoá cho tổ chức dịch vụ thông tin khoa học và công nghệ. Tạo lập và phát triển nguồn tin khoa học và công nghệ. Đầu tư xây dựng các cơ sở dữ liệu về chuyên gia và kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ, các cơ sở dữ liệu tổng hợp, chuyên đề và các trang thông tin điện tử về khoa học và công nghệ; ứng dụng và phát triển công nghệ tiên tiến trong hoạt động thông tin khoa học và công nghệ.

- Tham gia vào liên hiệp thư viện Việt Nam về các nguồn tin điện tử phục vụ nghiên cứu, đào tạo và đổi mới công nghệ. Tham gia mạng thông tin khoa học công nghệ quốc gia và khai thác hiệu quả các trung tâm thông tin khoa học và giao dịch công nghệ quốc gia và khu vực.

3.10 Hợp tác và hội nhập quốc tế về khoa học và công nghệ



Hình 3.18: Lễ Ký kết hợp tác giữa Sở Khoa học và Công nghệ và Đại học Okayama

- Tăng cường hợp tác toàn diện với các tỉnh, vùng, các trung tâm, trường, viện nghiên cứu về lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ như: hợp tác nghiên cứu khoa học, tham gia hội đồng khoa học và công nghệ, hội thảo, triển lãm khoa học và trao đổi, chia sẻ các thông tin, kinh nghiệm trong hoạt động quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ.

- Đẩy mạnh hợp tác quốc tế nhằm phục vụ cho các hoạt động khoa học và công nghệ trọng điểm của tỉnh như: hợp tác về các hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; xây dựng tiềm lực khoa học và công nghệ, đào tạo, sử



dụng chuyên gia, trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ, phòng chống vi phạm quyền sở hữu công nghiệp, quyền tác giả,...nhằm nâng cao trình độ và bồi dưỡng cán bộ khoa học và công nghệ, tìm kiếm các công nghệ mới, kỹ thuật tiên tiến mới, các giống mới phục vụ cho phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Tiếp tục duy trì và tăng cường đầu tư, nâng cao hiệu quả đào tạo sau đại học từ ngân sách nhà nước, có chính sách ưu tiên gửi đi đào tạo các chuyên ngành công nghệ cao ở các nước phát triển. Mở rộng phương thức đào tạo trong nước có sự tham gia của các chuyên gia nước ngoài không chỉ ở các trường đại học mà cả ở các tổ chức nghiên cứu KH&CN trên địa bàn.

- Tiếp tục thúc đẩy hợp tác song phương, đa phương trong hợp tác quốc tế về đào tạo, bồi dưỡng, học tập kinh nghiệm cho nguồn nhân lực KH&CN. Thu hút các nguồn vốn từ nước ngoài (ODA, FDI,...) đầu tư tiềm lực cho các cơ sở đào tạo nhân lực KH&CN.

Với những thành tựu có tính đột phá trong thời gian qua và đánh giá đúng những tồn tại, hạn chế để có giải pháp phù hợp, tôi tin tưởng tỉnh nhà sẽ trở thành thành tỉnh có một nền khoa học và công nghệ đạt trình độ tiên tiến so với trình độ chung của khu vực; từng bước hình thành và phát triển nền kinh tế tri thức, cơ bản có khả năng tự chủ những công nghệ tiên tiến trong các lĩnh vực chính của nền kinh tế với chất lượng tăng trưởng, năng suất, hiệu quả, có sức cạnh tranh cao; trở thành động lực trực tiếp đối với một tỉnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa IX tại Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ X;
2. Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa VIII tại Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ IX;
3. Nghị quyết Đại hội Đại biểu lần thứ IX Đảng bộ tỉnh Đồng Nai;
4. Nghị quyết Đại hội Đại biểu lần thứ X Đảng bộ tỉnh Đồng Nai;
5. Kế hoạch 155/KH-TU thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 6, Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) về phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế
6. Quy hoạch phát triển khoa học và công nghệ tỉnh Đồng Nai đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030;
7. Tập san chào mừng Đại hội tỉnh Đảng bộ Đồng Nai lần thứ X của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Đồng Nai;
8. <http://tuyengiao.dost-dongnai.gov.vn>;
9. <http://dost-dongnai.gov.vn>;
10. <http://daihoi.dongnai.gov.vn>